TỨ DIỆU ĐẾ VÀ ĐẠO ĐẾ CỦA PHẬT GIÁO

Bs Phan Thượng Hải biên soạn và giữ bản quyền

Phật Thích Ca thành lập Phật Giáo sáng tạo ra Phật Pháp (= Giáo lý của Phật Giáo) để giáo huấn mà hóa độ Con người (và Chúng sanh) giải thoát Khổ: từ Khổ thành ra Không Khổ (= Niết bàn). Theo Phật Thích Ca, Phật Pháp là Tứ Diệu Đế.

Đế (The Truth = Satya / Satyàni)
Tứ Diệu Đế (The Four Noble Truths = Catvàriàrya-satyàni)
 Khổ Đế (The Truth of Suffering = Duhkha-satya)
 Tập Đế = Tập Khổ Đế (The Truth of the Cause of Suffering = Samudaya-satya)
 Diệt Đế = Diệt Khổ Đế (The Truth of the Extinction of Suffering = Nirodha-satya)
 Đạo Đế = Đạo Diệt Khổ Đế (The Truth of the Way of the Extinction of Suffering = Màrga-satya)

Dàn bài

I. TỨ DIỆU ĐẾ CỦA PHẬT GIÁO

A. <u>Tứ Diệu Đế của Phật Giáo Nguyên Thủy</u>

Tứ Diệu Đế của Phật Thích Ca cũng là **Tứ Diệu Đế của Phật Giáo Nguyên Thủy** vì ngài là người sáng lập ra Phật Giáo Nguyên Thủy.

a) Tứ Diệu Đế

Giáo lý của Phật Giáo gọi là Phật Pháp là 1 trong **Tam Bảo** của Phật Giáo (Phật, Pháp, Tăng). Phật Pháp là Giáo lý Giải thoát Khổ của Phật Giáo bắt nguồn từ người sáng lập ra Phật Giáo là Phật Thích Ca.
Tam Bảo của Phật Giáo Nguyên Thủy gồm có:
Phật = Phật Thích Ca (Phật Cồ Đàm), bậc Giác hạnh viên mãn.
Pháp = Giáo lý Phật Giáo từ Phật Thích Ca, thực tế là từ Tam Tạng.
Tăng = Tăng Già là cộng đồng tu sĩ Phật Giáo gồm Tăng và Ni, tu hành theo Phật Pháp.

Tam Tạng là toàn bộ kinh điển của Phật Giáo Nguyên Thủy viết bằng văn tự Pali hay Sanskrit. Tam Tạng ngày nay có trong Kinh điển Pali của Nam Phương Phật Giáo và trong Kinh điển Phạn ngữ (Sanskrit) của Bắc Phương Phật Giáo.

Tam Bảo = Triratna = Three Jewels, Triple Gem, Three Refuges.
Tam Tạng = Tripitaka = The Three Baskets.
Kinh Tạng (Sùtra-Pitaka)
Luật Tạng (Vinaya-Pitaka)
Luận Tạng (Abhidamma-Pitaka)
Tăng Già = Sangha = Communities of Monks and Nuns

Phật Thích Ca thành lập Phật Giáo sáng tạo ra Phật Pháp (= Giáo lý của Phật Giáo) để giáo huấn mà hóa độ Con người (và Chúng sanh) giải thoát Khổ: từ Khổ thành ra Không Khổ (= Niết bàn).
Theo Phật Thích Ca, Phật Pháp là Tứ Diệu Đế.

Đế (The Truth = Satya / Satyàni)
Tứ Diệu Đế (The Four Noble Truths = Catvàriàrya-satyàni)
Khổ Đế (The Truth of Suffering = Duhkha-satya)
Tập Đế = Tập Khổ Đế (The Truth of the Cause of Suffering = Samudaya-satya)
Diệt Đế = Diệt Khổ Đế (The Truth of the Extinction of Suffering = Nirodha-satya)
Đạo Đế = Đạo Diệt Khổ Đế (The Truth of the Way of the Extinction of Suffering = Màrga-satya)

Tứ Diệu Đế của Phật Thích Ca cũng là **Tứ Diệu Đế của Phật Giáo Nguyên Thủy** vì ngài là người sáng lập ra Phật Giáo Nguyên Thủy.

b) Đạo Đế

*** Giác Ngộ, Trì Giới và Thiền Định**

Đạo Đế = Chân lý của Đạo diệt Khổ = Chân lý của Đạo Giải thoát Khổ để Không Khổ
Có 3 chân lý của Đạo giải thoát Khổ (để Không Khổ).
Giác Ngộ
Trì Giới
Thiền Định với Tu Thiền Định

Đạo theo đúng với Chân lý gọi là Chánh Đạo. Theo Phật Thích Ca thì có **Bát (8) Chánh Đạo**.

Cứu cánh của Tứ Diệu Đế là Giải thoát Khổ: biến từ Khổ ra Không Khổ
- **Khổ**
1. Khổ trong Sinh kiếp = Tâm Khổ = **Tâm** của Con người **phiền não** (sorrow) **trong Sinh kiếp**.
{Phiền não = buồn rầu}
2. Khổ trong Tái sinh = Con người **Tái sinh** trong Sinh kiếp mới (theo Luân hồi và Lục đạo) do đó phải tiếp tục Khổ trong Sinh kiếp tiếp theo mãi mãi.

- **Không Khổ** = Niết bàn
1. Không Khổ trong Sinh kiếp = Tâm không Khổ = **Tâm an** (tranquil, calm) = Hữu dư Niết bàn.
2. Không Khổ trong Tái sinh vì **Không Tái Sinh** = Vô dư Niết bàn.

Có **3 Loại Không Khổ** từ 3 phần của Đạo Đế:

- Không Khổ **từ Giác Ngộ** = Niết bàn (= Hữu dư Niết bàn và Vô dư Niết bàn).
  = Không Khổ trong Sinh kiếp = Tâm không Khổ = Tâm an (tranquil, calm) = Hữu dư Niết bàn.
  = Không Khổ trong Tái sinh vì Không Tái Sinh = Vô dư Niết bàn.

- Không Khổ **từ Thiền Định** = Hữu dư Niết bàn.
  = Không Khổ trong Sinh kiếp = Tâm không Khổ = **Tâm an** (tranquil, calm) = Hữu dư Niết bàn.

- Không Khổ **từ Trì Giới**
  = Không Khổ trong Tái sinh vì Không Tái sinh vào Khổ Đạo.
Những Khổ Đạo trong Lục Đạo Tái Sinh là Tái sinh vào Cõi Địa ngục; Tái sinh thành Thú vật và Tái sinh thành Ngạ quỷ. Không Tái sinh vào Khổ Đạo thì Tái sinh vào Thiên Đạo (thành Thiên hay Deva) hay vào Nhân Đạo (thành lại Con người).

*** Bát Chánh Đạo = Đạo Đế**

- Từ Đạo Đế đến Bát Chánh Đạo
Bát Chánh Đạo:
1. **Giác Ngộ**
  = Kiến Đạo (Giải Ngộ) từ Học Đạo: Chánh Kiến và Chánh Niệm
  = Hành Đạo hay Tu Hành Đạo (Chứng Ngộ) theo Kiến Đạo gồm có Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh và Chánh Tinh Tiến.
2. **Trì Giới**
  = Hành Đạo hay Tu Hành Đạo: Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh và Chánh Tinh Tiến.
3. **Thiền Định** với Tu Thiền Định
  = Hành Đạo hay Tu Hành Đạo: Chánh Định.

Học Đạo (The Way of the Learning = Saiksa-phala)
Kiến Đạo (The Way of the View = Darsana-màgra)

Hành Đạo hay Tu Hành Đạo (The Way of the Practice = Bhàvanà-màgra)
Vô Học Đạo (No Way of the Learning = Asaiksa-phala)

- Từ Bát Chánh Đạo đến Đạo Đế.

Bát Chánh Đạo:

- (1) Chánh Kiến và (2) Chánh Niệm = Kiến Đạo của Giác Ngộ (= Giải Ngộ).
- (3) Chánh Tư Duy, (4) Chánh Ngữ, (5) Chánh Nghệp, (6) Chánh Mệnh và (7) Chánh Tinh Tiến =
  Hành Đạo hay Tu Hành Đạo của Giác Ngộ (= Chứng Ngộ).
  Hành Đạo hay Tu Hành Đạo của Trì Giới.
- (8) Chánh Định = Thiền Định với Tu Thiền Định.

Bát Chánh Đạo (The Noble Eightfold Path = Àrya-astàngika-màrga / Ariya-atthangika-magga)

1. Giác Ngộ = Giải Ngộ và Chứng Ngộ.
   (Giải Ngộ - Đoạn Hoặc)
   Chánh Kiến (Right View = Samyag-Drsti / Sammà-Ditthi)
   Chánh Niệm (Right Mindfulness = Samyag-Smrti / Sammà-Sati)
   (Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc)
   Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
   Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
   Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjiva / Sammà-Àjiva)
   Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
   Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
2. Trì Giới
   Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
   Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
   Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjiva / Sammà-Àjiva)
   Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
   Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
3. Thiền Định
   Chánh Định (Right Concentration = Samyag-Samàdhi / Sammà-Samàdhi)

Chánh = đúng = right; đúng theo Giáo lý của Phật Giáo (Phật Pháp).
Nội dung của Giác ngộ theo Phật Giáo Nguyên Thủy là Đoạn Hoặc (Đoạn diệt Mê hoặc).

*** Tam Học**

Từ Bát Chánh Đạo đến Tam Học.
Tam Học = Bát Chánh Đạo nhưng không có Kiến Đạo của Giác ngộ (= Giải Ngộ). Tam Học chỉ có Tu Hành Đạo.

1. **Tuệ**
   = Hành Đạo hay Tu Hành Đạo (Chứng Ngộ) theo Kiến Đạo của **Giác Ngộ**: Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh và Chánh Tinh Tiến.
2. **Giới** (= Trì Giới)
   = Hành Đạo hay Tu Hành Đạo): Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh và Chánh Tinh Tiến.

3. **Định** (= Thiền Định với Tu Thiền Định)
= Hành Đạo hay Tu Hành Đạo: Chánh Định.

Tam Học (The Threefold Practice)
(1) Giới (Morality = Sila-siksa)
(2) Định (Concentration = Samàdhi)
(3) Tuệ (Wisdom = Prajnà)

Đây là nguyên văn lời giáo huấn của **Phật Thích Ca về Tam Học** theo Tăng Nhất Bộ (Anguttara-nilàya) trong Kinh Tạng của Phật Giáo Nguyên Thủy:

*Nầy các Tỳ kheo! Có **Tam Học, ba phần Tu hành**: tu hành trong Giới, tu hành trong Định và tu hành trong Tuệ.*

*Nầy các Tỳ kheo, thế nào là **tu hành trong Giới**, trong Đạo đức (higher Morality)? Đây là Tỳ kheo nhận biết Giới luật và sống theo những điều khoản của Giới Luật. Tỳ kheo được ban cho Chánh Nghiệp và Thiện trường cho Chánh Nghiệp. Tỳ kheo sợ hãi cả những lỗi lầm nhỏ nhất, và hiểu và tu hành Giới luật. Nầy các Tỳ kheo, đấy gọi là Tu hành trong Giới.*

*Và nầy các Tỳ kheo, thế nào là **tu hành trong Định**, trong Tâm lực (higher power of mind)? Đây là Tỳ kheo tự tách rời khỏi Ái (Tham dục = Strong Desire, Craving, Greed) và đạt tới được Định Sơ Thiền, Định Nhị Thiền, Định Tam Thiền và Định Tứ Thiền. Nầy các Tỳ kheo, đấy gọi là Tu hành trong Định.*

*Và nầy các Tỳ kheo, thế nào là **tu hành trong Tuệ** (highest Wisdom)? Đây là Tỳ kheo hiểu rõ ràng và sâu xa là có Khổ, có nguyên nhân của Khổ, có diệt Khổ và có đạo dẫn tới diệt Khổ. Nầy các Tỳ kheo, đấy gọi là Tu hành trong Tuệ.*

c) Khổ Đế, Tập Đế và Diệt Đế

Khổ Đế + Tập Đế + Diệt Đế = **Giáo lý Giác ngộ**.
Giáo lý Giác Ngộ căn cứ trên Khổ từ **Khổ Nghiệp** gồm có:
Khổ Đế = Chân lý của Khổ = Chân lý của Khổ và Không Khổ (từ Khổ Nghiệp).
Tập Đế = Chân lý của nguyên nhân của Khổ = Khổ Nghiệp = Hoặc (Mê hoặc).
Diệt Đế = Chân lý của đoạn Diệt nguyên nhân của Khổ để Không Khổ = Đoạn diệt Khổ Nghiệp hoặc không có Khổ Nghiệp = **Đoạn Hoặc** hay **Đoạn Hoặc và Từ Bi.**

Phật Giáo Nguyên Thủy có Đoạn Hoặc.
Phật Giáo Đại Thừa có Đoạn Hoặc và Từ Bi.

Lời của Phật Thích Ca theo kinh Chuyển Pháp Luân về Tứ Diệu Đế:

*Nầy các Tỳ kheo, đây là **Khổ Đế**: Sinh là khổ, Lão là khổ, Bệnh là khổ, Chết là khổ; Oán ghét gặp nhau là khổ, Thân ái biệt ly là khổ, Cầu không được là khổ; tóm lại Ngũ Uẩn chấp thủ (in attachment) là khổ.*

*Nầy các Tỳ kheo, đây là **Tập Khổ Đế**. Chính là Ái (Tham Dục = Desire/Craving) đưa đến Hữu (Rebirth=Tái sinh), tương ứng với Hỷ (Joy) và Tham (Greed); tìm cầu hoan lạc (pleasure and delight) chỗ nầy chỗ kia; chính là Dục Ái, Sinh Ái và Vô Sinh Ái.*

*Nầy các Tỳ kheo, đây là **Diệt Khổ Đế**. Chính là Ái (Tham dục) có thể được xua đuổi đi và tận diệt, bỏ qua và từ chối. Giải thoát và không trói buộc vào Ái (Tham Dục).*

*Nầy các Tỳ kheo, đây là **Đạo Diệt Khổ Đế**, đưa đến Diệt Khổ, chính là **Bát Chánh Đạo**: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh, Chánh Tinh Tiến, Chánh Niệm và Chánh Định.*

B. <u>Tứ Diệu Đế của Phật Giáo Đại Thừa</u>

Phật Giáo Đại Thừa thành lập sau Phật Giáo Nguyên Thủy vài thế kỷ. Tứ Diệu Đế cũng có nhiều thay đổi.
Phật Giáo Đại Thừa thay đổi về **Giáo lý Giác Ngộ** trong Tập Đế và Diệt Đế:
Phật Giáo Nguyên Thủy có Đoạn Hoặc.
Phật Giáo Đại Thừa có Đoạn Hoặc và Từ Bi.
Về **Đạo Đế**, Phật Giáo Đại Thừa:
Tạo ra giới Cư sĩ của hành giả bên cạnh giới Tăng Ni của Tăng Già.
Giới luật cho Tăng Ni và Tăng Già cũng dễ dãi hơn và không còn thống nhất nữa.
Thay thế Bát Chánh Đạo bằng Lục Độ. Trì Giới và Thiền Định được loại ra khỏi Đạo Đế. Do đó Lục Độ, Đạo Đế và do đó Tứ Diệu Đế đều có 3 hình thức khác nhau chớ không có 1 hình thức như Phật Giáo Nguyên Thủy.
Tạo ra thêm Bồ Tát "hóa độ" nên còn gọi là Bồ Tát Thừa.

a) Bát Chánh Đạo và Lục Độ

So sánh Bát Chánh Đạo và Lục Độ với cùng 1 hình thức Tứ Diệu Đế của Phật Thích Ca.

Bát Chánh Đạo (The Noble Eightfold Path = Àrya-astàngika-màrga / Ariya-atthangika-magga)
1. Giác Ngộ = Giải Ngộ và Chứng Ngộ.
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc)
Chánh Kiến (Right View = Samyag-Drsti / Sammà-Ditthi)
Chánh Niệm (Right Mindfulness = Samyag-Smrti / Sammà-Sati)
(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc)
Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjìva / Sammà-Àjìva)
Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
2. Trì Giới
Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjìva / Sammà-Àjìva)
Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
3. Thiền Định
Chánh Định (Right Concentration = Samyag-Samàdhi / Sammà-Samàdhi)

Chánh = đúng = right; đúng theo Giáo lý của Phật Giáo (Phật Pháp).

Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)
1. Giác Ngộ
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).
(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)
2. Trì Giới
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)
3. Thiền Định
Thiền Định Ba La Mật Đa (Perfection of Meditation = Dhyàna-pàramità)

Độ = Sự Toàn hảo = Perfection.
= Ba La Mật Đa = (dịch âm của) Pàramità, Phạn ngữ = Perfection

b) 3 Tứ Diệu Đế, 3 Đạo Đế và 3 Lục Độ

*** 3 Tứ Diệu Đế và 3 Đạo Đế**

Phật Giáo Đại Thừa có 3 Tứ Diệu Đế khác nhau với 3 Đạo Đế khác nhau tùy theo 3 thành phần là Giác Ngộ, Thiền Định và Trì Giới.
Giác Ngộ luôn là thành phần chính của Tứ Diệu Đế và có Giáo Lý Giác Ngộ là Khổ Đế, Tập Đế và Diệt Đế.
Thật ra thì có **3 Tứ Diệu Đế (hay 3 Đạo Đế**) của Phật Giáo Đại Thừa thay vì chỉ có 1 Tứ Diệu Đế của Phật Giáo Nguyên Thủy.
- Có ở Phật Giáo Đại Thừa và Phật Giáo Nguyên Thủy:
1. Tứ Diệu Đế hay Đạo Đế (= **Lục Độ hay Bát Chánh Đạo**) gồm có **Giác Ngộ + Thiền Định + Trì Giới.**
- Có ở Phật Giáo Đại Thừa tùy sự lựa chọn của Cư sĩ (và Tăng Ni):
2. Tứ Diệu Đế hay Đạo Đế (= **Lục Độ**) = **Giác Ngộ + Thiền Định**.
3. Tứ Diệu Đế hay Đạo Đế (= **Lục Độ**) = **Giác Ngộ**.
{Khổ Đế + Tập Đế + Diệt Đế = Giáo lý Giác Ngộ}

*** 3 Lục Độ**

1. Lục Độ gồm có Giác Ngộ, Trì Giới và Thiền Định
Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)
1. Giác Ngộ
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).

(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)
2. Trì Giới
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)
3. Thiền Định
Thiền Định Ba La Mật Đa (Perfection of Meditation = Dhyàna-pàramità)

Độ = Sự Toàn hảo = Perfection.
= Ba La Mật Đa = (dịch âm của) Pàramità, Phạn ngữ = Perfection

2. Lục Độ = Giác Ngộ và Thiền Định
Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)
1. Giác Ngộ
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).
(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)
2. Thiền Định
Thiền Định Ba La Mật Đa (Perfection of Meditation = Dhyàna-pàramità)

3. Lục Độ = Giác Ngộ
Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)
= Giác Ngộ:
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).
Định Ba La Mật Đa (Perfection of Concentration = Prajnà-samatha)

(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)

(Thiền Định Ba La Mật Đa thành ra Định Ba La Mật Đa)

Nếu Lục Đạo của Giác ngộ không có Thiền Định (và Trì Giới) thì Giải ngộ có thêm Định Ba La Mật Đa.
Định Ba La Mật Đa = Tập trung cố định mà không thay đổi hay giao động một cách toàn hảo vào Giáo lý Giác ngộ.
Khi đó Giải ngộ = Định Tuệ.
Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 nói:

Từ không bị ảnh hưởng bởi khái niệm quy ước, Tâm (Tâm Thức) đồng nhất với bản thể của mình (= Bản Tâm) và khẳng định chính xác rằng ý nghĩa của nó (= Bản Tâm) tương tục và thường hằng trong sự quân bình của ***Định Tuệ*** *thì dù có sống trong thế tục chúng ta đã là Phật.*

II. ĐẠO ĐẾ CỦA PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

A. Bát Chánh Đạo

Bát Chánh Đạo (The Noble Eightfold Path = Àrya-astàngika-màrga / Ariya-atthangika-magga)
1. Giác Ngộ = Giải Ngộ và Chứng Ngộ.
   (Giải Ngộ - Đoạn Hoặc)
      Chánh Kiến (Right View = Samyag-Drsti / Sammà-Ditthi)
      Chánh Niệm (Right Mindfulness = Samyag-Smrti / Sammà-Sati)
   (Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc)
      Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
      Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
      Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjiva / Sammà-Àjiva)
      Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
      Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
2. Trì Giới
      Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
      Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
      Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjiva / Sammà-Àjiva)
      Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
      Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
3. Thiền Định
      Chánh Định (Right Concentration = Samyag-Samàdhi / Sammà-Samàdhi)

Chánh = đúng = right; đúng theo Giáo lý của Phật Giáo (Phật Pháp).

Trong Kinh Tạng, **Phật Thích Ca định nghĩa Bát Chánh Đạo** như sau:

Này các Tỳ kheo, thế nào là ***Bát Chánh Đạo****? Tức là Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh, Chánh Tinh Tiến, Chánh Niệm và Chánh Định.*

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Kiến****? Này các Tỳ kheo, chính là Trí về Khổ, Trí về khổ Tập, Trí về khổ Diệt, Trí về Đạo (con đường) đưa đến khổ diệt. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Kiến.*

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Tư Duy****? Này các Tỳ kheo, chính là xuất ly tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Tư Duy.*

*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Ngữ** ? Này các Tỳ kheo, chính là từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Ngữ.*

*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Nghiệp**? Này các Tỳ kheo, chính là từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi phạm hạnh. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Nghiệp.*

*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Mệnh**? Này các Tỳ kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mệnh, nuôi sống với chánh mệnh. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Mệnh.*

*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Tinh Tiến**? Ở đây, này các Tỳ kheo*

với mục đích khiến cho các Ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

với mục đích khiến cho các Ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

với mục đích khiến cho các Thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

với mục đích khiến cho các Thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng được quảng đại, được tu tập, được viên mãn; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Tinh Tiến (từ Tứ Chính Cần)

*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Niệm**? Ở đây, này các Tỳ kheo*

Tỳ kheo sống Quán Thân trên Thân, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời

Tỳ kheo sống Quán Thụ (Thọ) trên các Thụ, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời

Tỳ kheo sống Quán Tâm trên Tâm, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời

Tỳ kheo sống Quán Pháp trên các Pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời

*Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Niệm (từ **Tứ Niệm Xứ**)*

*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Định**? Ở đây, này các Tỳ kheo*

Tỳ kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú "Định Sơ Thiền", một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ

Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú "Định Nhị Thiền", một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm

Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thú mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú "Định Tam Thiền"

Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thụ trước, chứng và trú "Định Tứ Thiền", không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

*Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Định. **(Tứ Thiền, Tứ Thiền Na)***

B. <u>Giác Ngộ của Bát Chánh Đạo</u>

a) Giác Ngộ

Theo nghĩa thông thường:

Giác = tỉnh và biết.

Ngộ (Awakening) = tỉnh ra, biết ra được và hiểu rõ
Giác Ngộ (Enlightenment) = tỉnh và biết ra được, và hiểu rõ ràng.

Theo Phật Giáo Đại Thừa, **Giác Ngộ** là sáng suốt đúng và thi hành đúng theo sự sáng suốt đúng về Giáo lý Giác ngộ.
Giáo lý Giác ngộ gồm có:
Khổ Đế = Chân lý về Khổ vả Không Khổ (= Niết Bàn)
Tập Đế = Chân lý về nguyên nhân của Khổ là Khổ Nghiệp. Khổ Nghiệp là Hoặc (Mê hoặc).
Diệt Đế = Chân lý về Diệt Khổ là Đoạn diệt Khổ nghiệp để Không Khổ. Đoạn diệt Khổ Nghiệp là Đoạn Hoặc.
Như vậy Giác ngộ hay Giáo lý Giác ngộ **dựa trên Khổ Nghiệp**.

b) Giác Ngộ = Giải Ngộ và Chứng Ngộ (= Kiến Đạo và Hành Đạo)

- Giải Ngộ (= Kiến Đạo) = **Sáng suốt đúng** Giáo lý Giác ngộ, gồm có Khổ và Niết bàn; và Khổ Nghiệp (= Hoặc) và Đoạn diệt Khổ Nghiệp (= Đoạn Hoặc).
Chánh Kiến = Nhìn thấy đúng Giáo lý Giác ngộ. Do đó đoạn diệt Mê hoặc "Si" hay "Vô minh" (Ignorance).
Chánh Niệm = Để ý mà Tin đúng vào Giáo lý Giác ngộ. Do đó đoạn diệt Mê hoặc "Nghi" (Doubt).
{Chánh Tuệ = Chánh Kiến và Chánh Niệm = Sáng suốt đúng}.

Lời dạy của Phật Thích Ca về Chánh Kiến:
*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Kiến**? Này các Tỳ kheo, chính là Trí về Khổ, Trí về khổ Tập, Trí về khổ Diệt, Trí về Đạo (con đường) đưa đến khổ diệt. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Kiến.*

Lời dạy của Phật Thích Ca về Chánh Niệm:
*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Niệm**? Ở đây, này các Tỳ kheo*
Tỳ kheo sống Quán Thân trên Thân, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời
Tỳ kheo sống Quán Thụ (Thọ) trên các Thụ, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời
Tỳ kheo sống Quán Tâm trên Tâm, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời
Tỳ kheo sống Quán Pháp trên các Pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời
Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Niệm

Lời dạy của **Phật Thích Ca về Chánh Niệm** được dùng làm Trợ Đạo Phẩm. Đó **là Tứ Niệm Xứ,** mở rộng thêm để giúp cho hành giả Chánh Niệm.
Chánh Niệm = Để ý mà Tin vào Giáo lý Giác Ngộ
Tứ Niệm Xứ = Để ý mà Tin vào Giáo lý Giác Ngộ (Pháp) cuối cùng sau khi nghĩ đến Thân Tâm của mình trong nhân duyên với Sự vật (Thọ).

- Chứng Ngộ (= Hành Đạo) = **Thi hành đúng theo sự sáng suốt đúng** về Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc, trong tư tưởng, ngôn ngữ, hành động và sinh hoạt trong sinh kiếp với sự tinh tiến.

Chánh Tư Duy = Tư tưởng đúng theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc trong tư tưởng.

Chánh Ngữ = Ngôn ngữ đúng theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc trong ngôn ngữ.

Chánh Nghiệp = Hành động đúng theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc trong hành động.

Chánh Mệnh = Sinh hoạt đúng theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc trong sinh hoạt.

Chánh Tinh Tiến = Tinh tiến trong việc thi hành đúng theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là tinh tiến trong Đoạn Hoặc.

Hoặc (= Mê hoặc = Defilement = Klesa): gồm có Tham (Greed), Sân (Anger) và Mạn (Pride). Đoạn Hoặc là đoạn diệt Tham, Sân và Mạn.

Tóm lại, thực tế thì **Giác Ngộ của Phật Giáo từ Phật Giáo Nguyên Thủy là sáng suốt về Hoặc và Đoạn Hoặc và thi hành Đoạn Hoặc.**

C. <u>Thiền Định của Bát Chánh Đạo</u>

a) Thiền Định

Thiền Định (với Tu Thiền Định) **= Chánh Định** của Bát Chánh Đạo.
Thiền Định với Tu Thiền Định không có liên quan đến Giáo lý Giác ngộ của Phật Giáo tức là không dựa trên Khổ Nghiệp như Giác Ngộ; và cũng không dựa Ác Nghiệp như Trì Giới.

Từ Phật Giáo Nguyên Thủy cho tới Thiền tông, **với** phương pháp **tu Thiền định**, **Tâm** (Tâm thức) của hành giả **lần lượt vượt qua 4 trạng thái** gọi là **Tứ Thiền** hay Tứ Thiền Na **của Thiền định.**
Tứ Thiền = Tứ Thiền Na (4 Dhyàna) = Tứ Định của Vô Sắc Giới

1. **Định Sơ Thiền** (1st Jhàna): sung sướng (lạc = pleasure) và vui mừng (hỉ = delight), tâm **thoát khỏi nhục dục** (sensuous desire) và ác độc (evil).
2. Định Nhị Thiền (2nd Jhàna): vẫn vui mừng và sung sướng, thoát khỏi suy luận (discursion) và tìm hiểu (investigation).
3. Định Tam Thiền (3rd Jhàna): sung sướng nhưng bình tỉnh (equanimity), lìa khỏi vui mừng và than thở
4. **Định Tứ Thiền** (4th Jhàna): **an tịnh** (tranquil), lìa khỏi sung sướng và đau khổ

Lời dạy của Phật Thích Ca về **Chánh Định (= Tứ Thiền):**

*Và này các Tỳ kheo, thế nào là **Chánh Định**? Ở đây, này các Tỳ kheo*

*Tỳ kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú "**Định Sơ Thiền**", một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ*

*Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú "**Định Nhị Thiền**", một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm*

*Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thú mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú "**Định Tam Thiền**"*

*Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thụ trước, chứng và trú "**Định Tứ Thiền**", không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.*

Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Định.

Thiền Định và Giác Ngộ:

Chánh Định của Phật Giáo Nguyên Thủy là đạt đến bậc thứ tư của Tứ Thiền (Tứ Thiền Na) là Định Tứ Thiền. **Định Tứ Thiền là Tâm An** không phiền não **(= Hữu dư Niết bàn**). Tu Thiền Định đạt được Định Tứ Thiền, bậc cuối cùng của Thiền Định thì cũng đạt được Niết bàn (Hửu dư Niết bàn) với Tâm An không phiền não mà **không cần phải Giác Ngộ** giáo lý Giác ngộ. Thiền Định không giúp gì được trong Tái sinh (theo Lục đạo Luân Hồi).

Tuy nhiên **Giác ngộ** từ Học Đạo cho Giác ngộ (có Tu Thiền Quán) còn làm cho hành giả **không Tái sinh (= Vô dư Niết bàn**). Đó là điều **Thiền Định** với Tu Thiền Định **không làm được.**

b) Tu Thiền Định

Phật Giáo Nguyên Thủy từ Phật Thích Ca đã dạy phương pháp Tu Thiền định để đạt được Thiền định, giải thoát Khổ.

Tu Thiền định (Meditation for concentration) thường là phương cách tự mình **thực hành tập trung vào** chủ đề hay đối tượng nào đó (như **hơi thở**) để đạt được Thiền định.

Tu Thiền định **không có liên quan tới giáo lý đạt giác ngộ** và dĩ nhiên không cần đạt giác ngộ nhưng tâm cũng sẽ được An, an tịnh (an tĩnh) mà giải thoát Khổ.

D. <u>Trì Giới của Bát Chánh Đạo</u>

Trì Giới = Giới (Morality = Sila-siksa)

a) Ác Nghiệp và Trì Giới

Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, **Trì Giới** là giữ những luật lệ không phạm khi đối xử với người khác và sinh vật khác. Trì Giới **dựa trên Ác Nghiệp**.
Nếu phạm Giới thì là tạo ra **Ác Nghiệp** (có 10 giới chánh tương quan với 10 ác nghiệp). Nếu phạm 1 trong 10 Ác Nghiệp thì sẽ bị **tái sinh** theo Khổ đạo thành những loại Sinh mạng như thú vật, sinh mạng ở địa ngục và quỉ đói (ngạ quỉ) và không tái sinh thành người hay thiên (deva). Chỉ có con người hay thiên (deva) mới có thể giác ngộ mà thoát khổ được!

10 Giới cấm để không tạo **10 Ác nghiệp**:

1. Không nói dối (Not to lie)
2. Không dùng vọng ngữ tức là ngôn ngữ xấu (Not to use bad language): không nói với lưỡi 2 chiều.
3. Không nói xấu người khác (Not to slander others): không "ác khẩu".

4. Không nói thêu dệt một cách phóng dật (Not to speak frivolously)
5. Không sát sinh (Not to kill)
6. Không trộm cướp (Not to steal)
7. Không tà dâm (Not to commit adultery)
8. Không tham muốn (Not to covet)
9. Không giận dữ (Not to give way to anger)
10. Không giữ tà ý (Not to hold false volition). Tà Ý là ý định vi phạm ngũ (5) trọng giới (giới 1-5).

Không Tham muốn (giới thứ 8) và không giận dữ (giới thứ 9) lại là 2 Mê hoặc (= Hoặc) Tham và Sân. **Trì Giới bao gồm Đoạn Hoặc** Tham và Sân.

Như vậy Tham và Sân là **Ác nghiệp** của giáo lý Trì Giới và cũng là **Khổ Nghiệp** của Giáo lý Giác ngộ. Đây là sự trùng hợp trong giáo lý Giải thoát của Phật Giáo.

Ác Nghiệp làm cho **Tái sinh theo 3 Khổ đạo** (của Lục đạo) vào trong những Cõi Khổ và không bao giờ Giải thoát Khổ được. Những Cõi Khổ là địa ngục, cõi của thú vật (animals) và cõi của ngạ quỷ. Ác Nghiệp là căn bản của **Trì Giới**.

Khổ Nghiệp làm cho Tái sinh (trong Lục đạo Luân hồi). Khổ Nghiệp là căn bản của Giáo lý **Giác ngộ**.

Tuy nhiên cũng có sự khác biệt quan trọng **về đối tượng**:

Ác Nghiệp đối với Sanh mạng khác (kể cả con người khác). Sanh mạng gồm có 6 loại. Ác Nghiệp là căn bản của Trì Giới. Trì Giới đối với Sanh mạng khác.

Khổ Nghiệp đối với Sự vật. Trong Sự vật (All beings and all things) thì có Sanh mạng (All sentient beings). Khổ Nghiệp là căn bản của Giáo lý Giác ngộ. Giác ngộ đối với Sự vật (hay Hiện tượng của Sự vật).

b) Trì Giới trong Bát Chánh Đạo

Trì Giới trong Bát Chánh Đạo:

Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjìva / Sammà-Àjìva)
Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)

Chánh Ngữ là Trì Giới, không tạo khẩu nghiệp:

Không nói dối (Not to lie)
Không dùng vọng ngữ tức là ngôn ngữ xấu (Not to use bad language): không nói với lưỡi 2 chiều.
Không nói xấu người khác (Not to slander others): không "ác khẩu".
Không nói thêu dệt một cách phóng dật (Not to speak frivolously)

Chánh Nghiệp là Trì Giới, không tạo thân nghiệp:

Không sát sinh (Not to kill)
Không trộm cướp (Not to steal)
Không tà dâm (Not to commit adultery)

Chánh Tư Duy là Trì Giới, không tạo ý nghiệp:

Không tham muốn (Not to covet)

Không giận dữ (Not to give way to anger)

Không giữ tà ý (Not to hold false volition). Tà Ý là ý định vi phạm Ngũ Trọng Giới.

Chánh Mệnh là sống một Đời sống (sinh hoạt) Trì Giới theo đúng Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Tư Duy.

Chánh Tinh Tiến là "tinh tiến" luôn luôn cố gắng tránh không làm điều Ác và làm điều Thiện trong tương lai mặc cho quá khứ. Điều Ác là tạo ra Ác Nghiệp và điều Thiện là Trì Giới.

Lời dạy của Phật Thích Ca về Trì Giới:

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Tư Duy****? Này các Tỳ kheo, chính là xuất ly tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Tư Duy.*

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Ngữ*** *? Này các Tỳ kheo, chính là từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Ngữ.*

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Nghiệp****? Này các Tỳ kheo, chính là từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi phạm hạnh. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Nghiệp.*

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Mệnh****? Này các Tỳ kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mệnh, nuôi sống với chánh mệnh. Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Mệnh.*

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Tinh Tiến****? Ở đây, này các Tỳ kheo*

với mục đích khiến cho các Ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

với mục đích khiến cho các Ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

với mục đích khiến cho các Thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

với mục đích khiến cho các Thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng được quảng đại, được tu tập, được viên mãn; khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm

Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Tinh Tiến.

Lời dạy của Phật Thích Ca về Chánh Tinh Tiến được dùng làm Trợ Đạo Phẩm trong Tam Học. Đó là **Tứ Chính Cần**.

E. La Hán và La Hán Đạo

Theo đúng **La Hán Đạo**, hành giả (tăng ni) **thành La Hán**, người đạt Giải thoát Khổ (Niết Bàn).

Tu Đạo theo 17 Giai Đoạn của La Hán Đạo với Trì Giới, Giác Ngộ và Thiền Định; La Hán đạt Giải thoát Khổ trong sinh kiếp này (= Hữu dư Niết bàn).

Tu Đạo theo Phàm Vị và Thánh Vị của La Hán Đạo với Giác Ngộ Đoạn Hoặc; La Hái đạt Giải thoát Khổ trong Luân hồi vì sẽ không phải Tái sinh (= Vô dư Niết bàn).

a) 17 Giai Đoạn của La Hán Đạo (17 Stages of Arhat Practice)

Theo 17 Giai đoạn của La Hán Đạo; **La Hán là người đạt Giải thoát Khổ trong sinh kiếp. La Hán Đạo (17 giai đoạn) giống như Bát Chánh Đạo** với cùng một thứ tự **nhưng có thêm** "**Thần thông**" trong Chánh Định và cuối cùng có đạt **Niết Bàn** (= Hữu dư Niết Bàn).

Chánh Giới = Trì Giới
Chánh Tuệ = Giác Ngộ
Chánh Định = Thiền Định và Thần Thông
Niết Bàn

Bát Chánh Đạo là Chánh Đạo của Đạo Đế đạt Diệt Khổ Đế. Khi Khổ đoạn diệt, Hành Giả đạt tới bậc La Hán, nhập Niết Bàn. Không có "giai đoạn tuần tự" trong Bát Chính Đạo vì cả 8 "phần đạo" đồng thời, tương trợ và tổng hợp.
Đạo Phẩm "17 Giai Đoạn của La Hán Đạo", lấy nền tảng là Bát Chánh Đạo, chỉ dẫn Hành giả **17 giai đoạn tuần tự** trong phương pháp tu hành đạt tới bậc La Hán

17 Giai Đoạn của La Hán Đạo ghi trong The Greater Discourse at Assapura (Mahà-assapura-sutta) trong Majjhima-nikàya (Trung Bộ):

{Chánh Giới}
1. Hirottappa-samannàgata:
Cảm thấy xấu hổ về hành động xấu của mình và của những cá nhân trong xã hội. Đó là tâm điệu đúng, biểu tượng quan trọng của một Tỳ kheo. Tương đương với **Chánh Nghiệp**.
2. Parisuddha-kàyasamàcàna:
Thực hành sự trong sạch của hành động thể chất. Tương đương với **Chánh Nghiệp**.
3. Parisuddha-vasisamàcàra:
Thực hành sự trong sạch của ngôn ngữ. Tương đương với **Chánh Ngữ.**
4. Parisuddha-manosamàcàra:
Thực hành sự trong sạch trong tư tưởng. Tương đương với **Chánh Tư Duy**.
5. Parisuddha-àjiva:
Thực hành sự trong sạch trong đời sống. Tương đương với **Chánh Mệnh**.
6. Idriyesuguttadvàra:
Bảo vệ Giác quan không có Ảo giác (Idriyesuguttadvàra). Cũng tương đương với **Chánh Mệnh.**
7. Bhojane mattanu:
Biết dinh dưỡng đầy đủ. Cũng tương đương với **Chánh Mệnh**.
8. Jàgariyam anuyutta:
Thực hành dự định tinh tiến. Tương đương với **Chánh Tinh Tiến**.

{Chánh Tuệ}
9. Sati-sam-pajannena samannàgata:
Thực hành việc Để ý đúng và hiểu biết đúng. Tương đương với **Chánh Kiến và Chánh Niệm.**

10. Vivitta-senàsana:
Ở một mình trong chỗ yên lặng thích hợp cho Thiền và từ bỏ 5 Trở ngại (Tham; Giận dữ; Lừ đừ và mơ màng; Phóng dật và hối tiếc; Nghi ngờ và rối loạn) là Chướng ngại vật cho Tứ Thiền (4 Dhyàna). Tương đương với **Chánh Kiến và Chánh Niệm**.

{Chánh Định}
11. Pathamajjhàna:
Đạt được giai đoạn **Định Sơ Thiền** (1st Dhyàna) của Tứ Thiền. Tương đương với **Chánh Định.**
12. Dutiyajjhàna:
Đạt được giai đoạn **Định Nhị Thiền** của Tứ Thiền. Tương đương với **Chánh Định**.
13. Tatiyajjhàna:
Đạt được giai đoạn **Định Tam Thiền** của Tứ Thiền. Tương đương với **Chánh Định**.
14. Catutthajjhàna:
Đạt được giai đoạn **Định Tứ Thiền** của Tứ Thiền. Tương đương với **Chánh Định**.
15. Pub-benivàsànussati:
Quán được những kiếp trước của mình và của người khác. Tương đương với **Thần Thông.**

16. Sattànam cutùpapàta-nàna:
Quán được những kiếp sau của mình và của người khác. Tương đương với **Thần Thông.**

{Niết Bàn}
17. Àsavànam khaye-nàna:
Quán được Niết Bàn (trong) cái Khổ, như vậy là có thể vượt qua những phiền não và cám dổ trong kiếp hiện tại. Tương đương với **Niết Bàn**.

b) Phàm Vị và Thánh Vị của La Hán Đạo

Theo Phàm Vị và Thánh Vị của La Hán Đạo; **La Hán là người không phải Tái sinh** luân hồi (= Vô dư Niết bàn) **nhờ Giác ngộ Đoạn Hoặc** để Đoạn diệt Khổ Nghiệp. Phàm Vị và Thánh Vị của La Hán Đạo **không dựa trên Trì Giới và Thiền Định.**

*** La Hán Đạo với Phàm Vị và Thánh Vị**

La Hán Đạo (Arhat Srages) theo lý thuyết:
- Phàm Vị (Common Stage)
  Học Đạo (The Way of the Learning = Saiksa-phala)
  Kiến Đạo (The Way of the View = Darsana-màgra)
- Thánh Vị (Àrya Stage)
  Hành Đạo hay Tu Hành Đạo (The Way of the Practice = Bhàvanà-màgra)
  Vô Học Đạo (No Way of the Learning = Asaiksa-phala)

Học Đạo = Học Giáo lý Giác ngộ trong Khổ Đế, Tập Đế và Diệt Đế để Kiến Đạo.

Kiến Đạo = Giải Ngộ = Sáng suốt đúng (= Chánh Kiến) và Để ý vững tin vào (= Chánh Niệm) Giáo lý Giác ngộ trong Khổ Đế, Tập Đế và Diệt Đế từ Học Đạo.
Hành Đạo hay Tu Hành Đạo = Chứng Ngộ = Thực hành Giải ngộ, thực tế lả Đoạn 5 Hoặc.
Vô Học Đạo = Thành Đạo không phải học hành nữa.

Khổ Đế = Chân lý về Khổ và Giải Thoát Khổ.
Tập Đế (= Tập Khổ Đế) = Chân lý về nguyên nhân của Khổ = Khổ Nghiệp = Hoặc (Mê hoặc)
Diệt Đế (= Diệt Tập Khổ Đế) = Chân lý về Đoạn diệt nguyên nhân của Khổ (để Giải thoát Khổ) = Đoạn diệt Khổ Nghiệp = Đoạn diệt Mê hoặc = Đoạn Hoặc.

Học Đạo (The Way of the Learning = Saiksa-phala)
Kiến Đạo (The Way of the View = Darsana-màgra)
Hành Đạo hay Tu Hành Đạo (The Way of the Practice = Bhàvanà-màgra)
Vô Học Đạo (No Way of the Learning = Asaiksa-phala)

*** Phàm Vị**
= Gồm có Học Đạo rồi Kiến Đạo (Giải Ngộ)

Phàm Vị có 7 cấp bậc thích đáng (7 expedient degrees) dùng những Trợ Đạo Phẩm:

Giai đoạn chuẩn bị gọi là Ngoại Phàm Vị dùng 3 Trợ Đạo Phẩm nên gọi là Tam Hiền (3 Wise Degrees = Sambhàra) và có 3 bậc (3 degrees):

Tứ Niệm Xứ (Biệt Tướng Niệm Xứ Vị và Tổng Tướng Niệm Xứ Vị)
Ngũ Đình Tâm

Giai đoạn áp dụng dùng 1 Trợ Đạo Phẩm là Tứ (4) Thiện Căn nên có 4 bậc (4 degrees).

*** Thánh Vị (4 Giai Đoạn)**
= Gồm có Tu Hành Đạo hay Hành Đạo (Chứng Ngộ) để đạt tới Vô Học Đạo (= bậc La Hán)

Có 4 Giai đoạn (Giai Đoạn = Vị = Stage). Mỗi Giai Đoạn có một đôi Tiểu Đoạn.
2 Tiểu Đoạn: Tiểu Đoạn cố gắng (Effort) gọi là Hướng rồi đến Tiểu Đoạn thành đạt (Attainment) gọi là Quả.

1. Giai Đoạn thành **người Dự Lưu** (Stage of the Streamwinner)

Hành giả cố gắng đoạn diệt tất cả Kiến Hoặc trong Dục Giới (= tiểu đoạn Dự Lưu Hướng) rồi cuối cùng đạt được sự đoạn diệt nầy (= tiểu đoạn Dự Lưu Quả).

Khi thành đạt sự đoạn diệt tất cả Kiến Hoặc trong Dục Giới (ở tiểu đoạn Dự Lưu Quả), Hành giả được gọi là người Dự Lưu. Người Dự Lưu còn tái sinh trong Luân Hồi Dục Giới nhưng chỉ phải tái sinh thành Người hay Thiên (Deva).

Người Dự Lưu thuộc bậc Tu Đà Hoàn.

2. Giai Đoạn thành **người Nhất Lai** (Stage of the Once-returner)

Hành giả cố gắng đoạn diệt phân nửa của 2 Tư Hoặc là Sân và Tham Dục cho Dục Giới (= tiểu đoạn Nhất Lai Hướng) rồi cuối cùng đạt được sự đoạn diệt nầy (= tiểu đoạn Nhất Lai Quả).

Khi đạt được sự đoạn diệt phân nửa của 2 Tư Hoặc là Sân và Tham Dục trong Dục Giới (ở tiểu đoạn Nhất Lưu Quả), Hành giả được gọi là người Nhất Lai. Người Nhất Lai chỉ còn phải tái sinh trong Dục Giới một lần nữa thôi.

Người Nhất Lai thuộc bậc Tu Đà Hàm.

3. Giai Đoạn thành **người Bất Lai** (Stage of the Non-returner)

Hành giả cố gắng đoạn diệt hoàn toàn 2 Tư Hoặc là Sân và Tham Dục trong Dục Giới (= tiểu đoạn Bất Lưu Hướng) rồi cuối cùng đạt được sự đoạn diệt nầy (= tiểu đoạn Bất Lưu Quả).

Khi đạt được sự đoạn diệt hoàn toàn 2 Tư Hoặc Sân và Tham Dục trong Dục Giới (ở tiểu đoạn Bất Lưu Quả), Hành giả được gọi là người Bất Lai. Người Bất Lai không còn phải tái sinh trong Dục Giới (chỉ tái sinh trong Sắc Giới hay Vô Sắc Giới).

Người Bất Lai thuộc bậc A Na Hàm.

4. Giai Đoạn thành **người La Hán** (Stage of the Arhat)

Hành giả cố gắng đoạn diệt hoàn toàn Tư Hoặc Tham Dục của Sắc Giới và Vô Sắc Giới; và những Tư Hoặc khác trong Ngũ Độn Sử gồm có Si (Vô Minh), Mạn và Nghi (= tiểu đoạn Vô Học Hướng) rồi cuối cùng đạt được sự đoạn diệt nầy (= tiểu đoạn Vô Học Quả).

Khi đạt được hoàn toàn Si, Mạn và Nghi và Tham Dục (của Sắc Giới và Vô Sắc Giới), Hành giả được gọi là người Vô Học. Người Vô Học vào Niết Bàn và không phải tái sinh luân hồi.

Người Vô Học thuộc bậc A La Hán hay La Hán.

Bậc A La Hán hay La Hán (Arhat)

là người **Đoạn Hoặc** đã đoạn diệt tất cả Hoặc (Tư Hoặc và Kiến Hoặc) nên còn gọi là Sát Tặc (Khinàsava).

là người đã học đạo tận hết, không còn gì để học nữa nên còn gọi là **Vô Học** (Asekha).

(Tóm Tắt)

4 Giai đoạn của Thánh Vị của La Hán Đạo:

1. Giai đoạn của người Dự Lưu = Stage of the Streamwinner
    - Tiểu đoạn Dự Lưu Hướng = Srota-àpatti-pratipanna
    - Tiểu đoạn Dự Lưu Quả, thành bậc Dự Lưu hay Tu Đà Hoàn = Srota-àpanna
2. Giai đoạn của người Nhất Lai = Stage of the Oncereturner
    - Tiểu đoạn Nhất Lưu Hướng = Sakrdàgàmi-pratipanna
    - Tiểu đoạn Nhất Lưu Quả, thành bậc Tu Đà Hàm = Sakrdàgàmin
3. Giai đoạn của người Bất Lai = Stage of the Nonreturner
    - Tiểu đoạn Bất Lưu Hướng = Anàgami-pratipanna
    - Tiểu đoạn Bất Lưu Quả, thành bậc A Na Hàm = Anàgàmin
4. Giai đoạn Vô Học của La Hán = Stage of the Arhat
    - Tiểu đoạn Vô Học Hướng = Arhat-pratipanna
    - Tiểu đoạn Vô Học Quả, thành bậc A La Hán hay La Hán = Arhat

4 Bậc Thánh Quả Vị của La Hán Đạo:

1. Dự Lưu hay Tu Đà Hoàn
2. Tu Đà Hàm

3. A Nam Hàm
4. A La Hán hay La Hán

La Hán Đạo với Phàm Vị và Thánh Vị chỉ là **Giác Ngộ của Bát Chánh Đạo** với Học Đạo, Kiến Đạo và Tu Hành Đạo (hay Hành Đạo). Học Đạo được chú trọng và **Tu Hành Đạo có 4 giai đoạn**.

F. <u>Thanh Tịnh Đạo</u> (The Path of Purities = Visuddhimagga)

Sư Phật Âm (Buddhaghosa) của Phật Giáo Pàli ở Tích Lan viết chi tiết về Bát Chánh Đạo thành ra Thanh Tịnh Đạo vào thế kỷ thứ 5
Thanh Tịnh Đạo của sư Phật Âm của Phật Giáo Pàli có **7 Giai đoạn**:

7 Giai Đoạn của Thanh Tịnh Đạo = Trì Giới, Thiền Định và Giác Ngộ

a) Trì Giới = Giai đoạn 1

1. **Giới Tịnh** = Thanh Tịnh Giới Đức (Purity of Morality = Sila-visuddhi)

b) Thiền Định = Giai đoạn 2

2. **Tâm Tịnh** = Thanh Tịnh Tâm (Purity of Mind = Citta-visuddhi)

c) Giác Ngộ = Các Giai đoạn 3, 4, 5, 6 và 7

3. **Kiến Tịnh** = Thanh Tịnh Quan Kiến (Purity of Views = Ditthi-visuddhi):
đạt tới Tuệ Phân Tích Danh Sắc (= Nàmarùpa-pariccheda-nàna). Danh Sắc là Ngũ Uẩn.

4. **Đoạn Nghi Tịnh** (Purity of Overcoming Doubt = Kankhàvitarana-visuddhi):
Là Thanh Tịnh bằng cách khắc phục Hoài Nghi
đạt tới Tuệ Phân Biệt Nhân Duyên (= Paccaya-pariggaha-nàna)

5. **Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tịnh** (Purity of Knowledge and Vision, or Insight, into Right and Wrong Paths = Maggàmagga-nànadassana-visuddhi):
Là Thanh Tịnh bằng cách thấu hiểu và nhận thấy thế nào là Đạo, thế nào không phải là Đạo.
đạt tới Tuệ Sát Tuệ = Tuệ thấu đạt (= Sammasana-nàna)

6. **Đạo Tri Kiến Tịnh** = Purity of Knowledge and Vision, or Insight, into the Mode of Progress (Patipadà-nànadassana-visuddhi):
Là Thanh Tịnh bằng cách thấu hiểu và nhận thấy Đạo.
đạt tới:
Tuệ Quán Chiếu Sanh Diệt = Knowledge of Contemplation of rise and fall (Udayabbanupassana-nana)

Hoại Tán Tuệ = Tuệ Quán Chiếu sự Diệt = Knowledge of Contemplation of dissolution (Bhanganupassana-nana)

Kinh Úy Tuệ = Tuệ Phát hiện Kinh sợ = Knowledge of Appearance as terror (Bhayatupaththana-nana)

Nguy Hạn Tuệ = Tuệ Quán Chiếu Hiểm họa = Knowledge of Contemplation of danger (Adinavanupassana-nana)

Yếm Ố Tuệ = Tuệ Quán Chiếu sự Chán nản = Knowledge of Contemplation of dispassion (Nibbidanupassana-nana)

Cầu Thoát Tuệ = Tuệ muốn Giải thoát = Knowledge of Desire for deliverance (Muncitukamyata-nana)

Trạch Sát Tuệ = Tuệ Quán Chiếu sự Suy tư = Knowledge of Contemplation of reflection (Patisankhanupassana-nana)

Hành Xả Tuệ = Tuệ xả về các Hành = Knowledge of Equanimity about formations (Sankharupekka-nana)

Tuệ Thuận Thứ = Conformity Knowledge (Anuloma-nana)

7. **Tri Kiến Tịnh** (Purity of Knowlege and Vision, or Insight = Nànadassana-visuddhi):

Là Thanh tịnh bằng cách thấu hiểu và nhận thấy.

Là cực điểm của Tu hành qua 4 Quả vị của La Hán Đạo dẫn tới Giải thoát và Niết Bàn (Change of Lineage):

Tuệ Chuyển Tánh = Gotrabhù-nàna... Đạo Quả thứ nhất = The 1st Path and Fruit

Đạo Tuệ = Magga-nàna... Đạo Quả thứ nhì = The 2nd Path and Fruit

Quả Tuệ = Phala-nàna... Đạo Quả thứ ba = The 3rd Path and Fruit

Phản Khán Tuệ = Tuệ ôn lại = Paccavekkhana-nàna... Đạo Quả thứ 4 = The 4th Path and Fruit.

Nhận Xét:

Buddhaghosa dùng từ ngữ "**Tịnh" hay "Thanh Tịnh**" (Purity = trong sạch) **thay thế** cho từ ngữ "**Chánh**" (Right) của Bát Chánh Đạo.

Giai đoạn 1 (Trì Giới) = Giới Tịnh = Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh, Chánh Tinh Tiến và Chánh Tư Duy từ Trì Giới.

Giai đoạn 2 (Thiền Định) = Tâm Tịnh = Chánh Định, dùng Tu Thiền Định.

Giai đoạn 4 (Giác Ngộ) = Đoạn Nghi Tịnh = Chánh Kiến về Nhân Duyên (và 12 Nhân Duyên của Tứ Diệu Đế), dùng Tu Thiền Quán.

Giai đoạn 3, 5, 6 và 7 (Giác Ngộ) = Chánh Tri Kiến về Ngũ Uẩn và Tam Pháp Ấn, dùng Tu Thiền Quán **Tứ Niệm Xứ**. Thanh Tịnh Đạo dùng từ ngữ "Tri kiến" có nghĩa rộng hơn "Niệm" của Bát Chánh Đạo, giống như "Kiến".

Thanh Tịnh Đạo là hệ thống tu hành:

nhấn mạnh tới Quán (Insight, Vision = Vipassana) của **Tu Thiền Quán cho Tuệ của Giác Ngộ** hơn là Tịnh của Thiền Định (Calm, Tranquility = Samatha) của Tu Thiền Định cho Định trong phép Tu Thiền.

nhấn mạnh tới Chánh Tri Kiến về Tam Pháp Ấn (gồm có Khổ, Vô Ngã và Vô Thường) và Ngũ Uẩn và dùng phương pháp Tu Thiền Quán Tứ Niệm Xứ.

Tứ Niệm Xứ (The 4 Fields of Mindfulness = Catvàri-smrty-upasthànani)
Giúp Hành giả đạt Chánh Niệm, Tứ Niệm Xứ là tu Thiền Quán để Quán Tam Pháp Ấn qua quán chủ đề là Ngũ Uẩn:

Quán được Bất Tịnh (Impurity): dùng chủ đề là Thân (Kàya) của Sắc Uẩn
Quán được Khổ (Suffering): dùng chủ đề là Thụ (Vedanà) của Thụ Uẩn
Quán được Vô Thường (Impermanance): dùng chủ đề là Tâm (Citta) của Thức Uẩn
Quán được Vô Ngã (Devoid of Self): dùng chủ đề là Pháp (Hiện tượng=Dharma) của Hành Uẩn và Tưởng Uẩn.

III. ĐẠO ĐẾ CỦA PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

A. <u>Lục Độ</u>

a) Lục Độ và Bát Chánh Đạo

Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)

1. Giác Ngộ
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).
(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)

2. Trì Giới
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)

3. Thiền Định
Thiền Định Ba La Mật Đa (Perfection of Meditation = Dhyàna-pàramità)

Độ = Sự Toàn hảo = Perfection.
= Ba La Mật Đa = (dịch âm của) Pàramità, Phạn ngữ = Perfection.

So sánh với Bát Chánh Đạo:

Bát Chánh Đạo (The Noble Eightfold Path = Àrya-astàngika-màrga / Ariya-atthangika-magga)
1. Giác Ngộ = Giải Ngộ và Chứng Ngộ.
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc)
Chánh Kiến (Right View = Samyag-Drsti / Sammà-Ditthi)
Chánh Niệm (Right Mindfulness = Samyag-Smrti / Sammà-Sati)

(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc)
Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjìva / Sammà-Àjìva)
Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
2. Trì Giới
Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjìva / Sammà-Àjìva)
Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)
Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)
3. Thiền Định
Chánh Định (Right Concentration = Samyag-Samàdhi / Sammà-Samàdhi)

Chánh = đúng = right; đúng theo Giáo lý của Phật Giáo (Phật Pháp).

b) 3 Lục Độ từ 3 Đạo Đế từ 3 Tứ Diệu Đế

*
Phật Giáo nhất là từ Phật Giáo Đại Thừa mở rộng cho **Cư sĩ.** Đạo Đế của Phật Giáo Đại Thừa cũng mở rộng cho Cư sĩ. Cư sĩ cũng thành Phật và Bồ tát được, không cần phải gia nhập Tăng Già làm Tăng Ni.
Theo Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh (Vimalakìrtinirdesa-sùtra) của Đại Thừa, Cư sĩ trong thế tục (như Cư sĩ **Duy Ma Cật** trong Kinh nầy) cũng có thể tu thành Phật Quả như Tăng Ni Đại Thừa.

Theo **Kinh Pháp Hoa** thì mọi Chúng sanh đều có thể thành Phật.
(Phẩm 10): Mọi người có thể được giải thoát. Tất cả chúng sanh có thể thành Phật, không những Tăng Ni mà còn cả Cư sĩ trong thế tục (Lay people), Thanh Văn, Bồ Tát và Sinh vật không phải là người (non human creature).
(Phẩm 12): Phật Tánh thì phổ quát trong tất cả mọi người kể cả Devadatta cũng có căn cơ (potential) thành Phật.

Tăng (Monks) = Tỳ Kheo (Bhiksu) = Phật Giáo đồ Nam xuất gia, tu trong tu viện
Ni (Nun) = Tỳ Kheo Ni (Bhiksuni) = Phật Giáo đồ Nữ xuất gia, tu trong tu viện
Tỳ kheo dịch nghĩa là Khất sĩ (Beggar)
Tu sĩ (Monk or Nun) = Tăng Ni.
Cư sĩ (Lay) = Phật Giáo đồ tu tại gia (được có gia đình)
Nam Cư sĩ (Male Lay) = Ưu Bà Tắc (Upàsaka)
Nữ Cư sĩ (Female Lay) = Ưu Bà Di (Upàsikà)
Hành giả = Practitioner.

Đạo Đế cho Cư sĩ của Phật Giáo Đại Thừa (nhất là Thiền Tông) chỉ là Giác ngộ (gồm Đoạn Hoặc và Từ Bi) và không còn Tam Học.
Trì Giới được thay thế bằng Từ Bi của Tâm Giác ngộ.

Thiền Định không còn là sự bắt buộc mặc dù có ích giúp cho Tâm Giác ngộ trong sự An tịnh không phiền não. Tu Thiền Định để được Thiền Định tùy theo sự lựa chọn của Cư sĩ. Có người chủ trương **chỉ Tu Thiền Định** để đạt Thiền Định cho Tâm An tịnh không Phiền não (= Định Tứ Thiền) cũng đủ Giải thoát Khổ mà **không cần Giác ngộ**!

*

Thật ra thì có **3 Tứ Diệu Đế** (hay 3 Đạo Đế) của Phật Giáo Đại Thừa thay vì chỉ có 1 Tứ Diệu Đế của Phật Giáo Nguyên Thủy.

- Có ở Phật Giáo Đại Thừa và Phật Giáo Nguyên Thủy:

1. Tứ Diệu Đế hay Đạo Đế (= Lục Độ hay Bát Chánh Đạo) gồm có Giác Ngộ + Thiền Định + Trì Giới.

- Có ở Phật Giáo Đại Thừa tùy sự lựa chọn của Cư sĩ:

2. Tứ Diệu Đế hay Đạo Đế (= Lục Độ) = Giác Ngộ + Thiền Định.

3. Tứ Diệu Đế hay Đạo Đế (= Lục Độ) = Giác Ngộ.

{Khổ Đế + Tập Đế + Diệt Đế = Giáo lý Giác Ngộ}

*

Có 3 Lục Độ từ 3 Đạo Đế từ 3 Tứ Diệu Đế

1. Lục Độ gồm có Giác Ngộ, Trì Giới và Thiền Định

Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)

1. Giác Ngộ

(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)

Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).

(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)

Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)

Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)

Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)

Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)

2. Trì Giới

Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)

Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)

3. Thiền Định

Thiền Định Ba La Mật Đa (Perfection of Meditation = Dhyàna-pàramità)

Độ = Sự Toàn hảo = Perfection.

= Ba La Mật Đa = (dịch âm của) Pàramità, Phạn ngữ = Perfection

2. Lục Độ = Giác Ngộ và Thiền Định

Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)

1. Giác Ngộ

(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)

Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).

(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)
2. Thiền Định
Thiền Định Ba La Mật Đa (Perfection of Meditation = Dhyàna-pàramità)

3. Lục Độ = Giác Ngộ
Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa (6 Perfections = 6 Pàramitàs)
= Giác Ngộ:
(Giải Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa hay Bát Nhã Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità).
Định Ba La Mật Đa (Perfection of Concentration = Prajnà-samatha)
(Chứng Ngộ - Đoạn Hoặc và Từ Bi)
Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)

(Thiền Định Ba La Mật Đa thành ra Định Ba La Mật Đa)
Nếu Lục Đạo của Giác ngộ không có Thiền Định (và Trì Giới) thì Giải ngộ có thêm Định Ba La Mật Đa.
Định Ba La Mật Đa = Tập trung cố định mà không thay đổi hay giao động một cách toàn hảo vào Giáo lý Giác ngộ.
Khi đó Giải ngộ = Định Tuệ.
Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 nói:
Từ không bị ảnh hưởng bởi khái niệm quy ước, Tâm (Tâm Thức) đồng nhất với bản thể của mình (= Bản Tâm) và khẳng định chính xác rằng ý nghĩa của nó (= Bản Tâm) tương tục và thường hằng trong sự quân bình của ***Định Tuệ*** *thì dù có sống trong thế tục chúng ta đã là Phật.*

B. <u>Giác Ngộ của Lục Độ</u>

a) Giác Ngộ

Theo nghĩa thông thường:
Giác = tỉnh và biết.
Ngộ (Awakening) = tỉnh ra, biết ra được và hiểu rõ
Giác Ngộ (Enlightenment) = tỉnh và biết ra được, và hiểu rõ ràng.

Theo Phật Giáo Đại Thừa, **Giác Ngộ** là sáng suốt toàn hảo và thi hành toàn hảo sự sáng suốt toàn hảo về Giáo lý Giác ngộ.
Giáo lý Giác ngộ gồm có:
Khổ Đế = Chân lý về Khổ vả Không Khổ (= Niết Bàn)

Tập Đế = Chân lý về nguyên nhân của Khổ là Khổ Nghiệp. Khổ Nghiệp là Hoặc (Mê hoặc).

Diệt Đế = Chân lý về Diệt Khổ là Đoạn diệt Khổ nghiệp để Không Khổ. Đoạn diệt Khổ Nghiệp là Đoạn Hoặc và Từ Bi.

Giáo lý Giác ngộ và Giác ngộ dựa **căn bản trên Khổ Nghiệp**.

b) Giác Ngộ = Giải Ngộ và Chứng Ngộ

- Giải Ngộ = **Sáng suốt toàn hảo** Giáo lý Giác ngộ, gồm có Khổ và Niết bàn; và Khổ Nghiệp (= Hoặc) và Đoạn diệt Khổ Nghiệp (= Đoạn Hoặc và Từ Bi).

Giải Ngộ = **Tuệ Ba La Mật Đa = Bát Nhã Ba La Mật Đa** = Sáng suốt toàn hảo Giáo lý Giác ngộ.

Bát Nhã Ba La Mật Đa tương đương với Chánh Kiến và Chánh Niệm của Bát Chánh Đạo:

Chánh Kiến = Nhìn thấy đúng Giáo lý Giác ngộ

Chánh Niệm = Tin đúng vào Giáo lý Giác ngộ

Nếu Lục Đạo của Giác ngộ không có Thiền Định (và Trì Giới) thì Giải ngộ có thêm Định Ba La Mật Đa.

Định Ba La Mật Đa = Tập trung cố định mà không thay đổi hay giao động một cách toàn hảo vào Giáo lý Giác ngộ.

Khi đó Giải ngộ = Định Tuệ.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 nói:

*Từ không bị ảnh hưởng bởi khái niệm quy ước, Tâm (Tâm Thức) đồng nhất với bản thể của mình (= Bản Tâm) và khẳng định chính xác rằng ý nghĩa của nó (= Bản Tâm) tương tục và thường hằng trong sự quân bình của **Định Tuệ** thì dù có sống trong thế tục chúng ta đã là Phật.*

- Chứng Ngộ = **Thi hành toàn hảo theo sự sáng suốt toàn hảo** về Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc và Từ Bi, trong tư tưởng, ngôn ngữ, hành động và sinh hoạt trong sinh kiếp với sự tinh tiến.

Chứng Ngộ = Giới Ba La Mật Đa, Tinh Tiến Ba La Mật Đa, Nhẫn Ba La Mật Đa và Bố Thí Ba La Mật Đa.

Giới Ba La Mật Đa tương đương với Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mệnh của Bát Chánh Đạo.

Chánh Tư Duy = Tư tưởng đúng toàn hảo theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc và Từ Bi trong tư tưởng.

Chánh Ngữ = Ngôn ngữ đúng toàn hảo theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc và Từ Bi trong ngôn ngữ.

Chánh Nghiệp = Hành động đúng toàn hảo theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc và Từ Bi trong hành động.

Chánh Mệnh = Sinh hoạt đúng toàn hảo theo sự sáng suốt của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là Đoạn Hoặc và Từ Bi trong sinh hoạt.

Tinh Tiến Ba La Mật Đa tương đương với Chánh Tinh Tiến của Bát Chánh Đạo.

Chánh Tinh Tiến = Tinh tiến trong việc thi hành đúng theo sự sáng suốt toàn hảo của Giáo lý Giác ngộ, thực dụng là tinh tiến trong Đoạn Hoặc và Từ Bi.

Nhẫn Ba La Mật Đa = Nhẫn toàn hảo trong mọi trường hợp.
Bố Thí Ba La Mật Đa = Bố thí toàn hảo trong mọi trường hợp.

Hoặc (= Mê hoặc = Defilement = Klesa): gồm có Tham (Greed), Sân (Anger) và Mạn (Pride). Đoạn Hoặc là đoạn diệt Tham, Sân và Mạn.

Từ bi đối với sinh vật khác, người khác (và kể cả thân ta trong sinh lão bệnh tử).
Từ bi là:

hiền lành (= Từ) với người và sinh vật khác, tức là nhẫn nhịn (forebearance) và không có xung đột (no conflict), do đó không làm hại người, sinh vật khác và thân mình.

thương (= Bi) người khác và sinh vật khác, bằng thể hiện lòng tử tế (loving kindness) và lòng thương xót (pity), do đó giúp đỡ người, sinh vật khác và thân mình.

Tóm lại, thực tế thì **Giác Ngộ của Phật Giáo Đại Thừa, nhất là Thiền Tông, là sáng suốt Từ Bi, Hoặc và Đoạn Hoặc và thi hành Từ Bi và Đoạn Hoặc.**

c) Bát Nhã Ba La Mật Đa = Giải Ngộ

Giác ngộ = Giải ngộ (Kiến) + Chứng ngộ (Hành)
Giải ngộ = Tâm Giải ngộ = Tâm Sáng suốt toàn hảo trong nhận thức Nội dung giáo lý đem đến Giải thoát Khổ (Tứ Diệu Đế).
= Tuệ Ba La Mật Đa **= Bát Nhã Ba La Mật Đa** (= Chánh Niệm và Chánh Kiến).

*** Bát Nhã Ba La Mật Đa (theo nghĩa đen)**

Bát Nhã Ba La Mật Đa = Tuệ Ba La Mật Đa = Prajnà-pàramità = Trí Tuệ.
= **Tâm Sáng suốt toàn hảo** (= Perfection of wisdom).

- **Prajnà** (Phạn ngữ):
(dịch âm) = **Bát Nhã**
(dịch nghĩa) = Tuệ (Huệ) hay Tuệ (Wisdom).

Thông minh = Sáng suốt (Intelligence) = Quán, Tuệ, Trí (theo nghĩa thông thường).
Quán (Insight = Vipasyanà) = sáng suốt (thông minh), trong cái nhìn (= kiến = view).
Quán gần như đồng nghĩa với Tuệ (Huệ).
Tuệ (Wisdom = Prajnà) = sáng suốt (thông minh), trong cái nhìn (= kiến), nhờ kinh nghiệm hiểu biết (= knowledge).
Trí (Knowledge = Jnàna) = sáng suốt (thông minh) trong kinh nghiệm hiểu biết.
Trí Tuệ (Perfect Intelligence) = sáng suốt (thông minh) toàn hảo. (TĐ Đào Duy Anh)
Sự toàn hảo (Perfection = Paramita). Toàn hảo (Perfect).

Chú thích:

Sư Huyền Trang dịch Prajnà là Tuệ hay Huệ (=Wisdom), phân biệt với Jnàna là Trí (=Knowledge) vì có Tuệ Ba La Mật Đa và Trí Ba La Mật Đa trong Thập Độ của kinh Hoa Nghiêm. Tác giả bài viết nầy giữ theo đúng với dịch nghĩa "Tuệ" của Sư Huyền Trang.

Các sách hiện đại nhất là trong nước bắt đầu dùng "Huệ" thay thế cho "Tuệ" để dịch Phạn ngữ "Prajnà" hay Anh ngữ "Wisdom". Tác giả bài viết nầy vẫn dùng từ ngữ "Tuệ".

- **Pàramità** (Phạn ngữ):
(dịch âm) = **Ba La Mật Đa**
(dịch nghĩa) = Perfection = sự toàn hảo = Độ (như Lục Độ)
(dịch nghĩa đen) = Đáo Bỉ Ngạn (quan bờ bên kia) = Độ Vô Cực (?)
= Cứu cánh

- **Prajnàpàramità:**
(dịch âm) = **Bát Nhã Ba La Mật Đa.**
(dịch nghĩa đen) = Đáo bỉ ngạn = Qua bờ bên kia.
(dịch nghĩa bóng) = Perfection of Wisdom or Transcendental Wisdom = Trí tuệ toàn hảo hay Trí tuệ siêu việt = Trí Tuệ Độ (theo Trần Trọng Kim), một trong Lục độ.
(thông dụng, thường dịch là) = Tuệ Ba La Mật Đa = Bát Nhã Ba La Mật Đa = Tuệ toàn hảo.
(thường dịch không đúng là) = Trí Tuệ Bát Nhã = Trí Huệ Bát Nhã = Bát Nhã.
(dịch đúng theo thông thường nhưng không hợp trong Phật Giáo) = Trí Tuệ (Trí Huệ)
(dịch rõ ràng nhất là) = Tâm sáng suốt toàn hảo; hay thực tế hơn là toàn hảo trong sự nhìn thấy hiểu biết rõ, đức tin và tư tưởng theo giáo lý Phật Giáo (= Chánh Kiến, Chánh Niệm và Chánh Tư Duy của PG Nguyên thủy).

Kết luận:
Tuệ Ba La Mật Đa = Bát Nhã Ba La Mật Đa = Tuệ Toàn Hảo = Sáng suốt toàn hảo (= Perfection of Wisdom) = Trí Tuệ.

*** Bát Nhã Ba La Mật Đa (theo Phật Giáo)**

Bát Nhã Ba La Mật Đa = Tuệ Ba La Mật Đa = Prajnà-pàramità = Trí Tuệ.
= **Tâm Sáng suốt toàn hảo** (= Perfection of wisdom) trong nhận thức **Nội dung Giáo lý Giác ngộ** đem đến Giải thoát Khổ.
= Tâm Giải ngộ = **Giải ngộ**.

Bát Nhã Ba La Mật Đa (= Tuệ Ba La Mật Đa) là quan trọng nhất theo Đại Thừa, làm căn bản cho các Ba La Mật Đa khác. Đó là bậc Đại Tuệ.

d) Hành Kiến = Giải Ngộ và Chứng Ngộ

Thiền Tông dùng Hành Kiến thay thế cho Chứng Ngộ và Giải Ngộ.
Tâm Giải Ngộ quan trọng hơn Tâm Chứng Ngộ vì Tâm Giải Ngộ là nền tảng của Tâm Chứng Ngộ.

Kiến (= Giải ngộ) thì quan trọng hơn **Hành (= Chứng ngộ)** theo Thiền Tông.

Lịch sử Phật Giáo có 2 bài kệ tiêu biểu cho **Hành (của Thần Tú) và Kiến (của Huệ Năng):**

Thân thị bồ đề thụ *(Thân như cây bồ đề)*
Tâm như minh kính đài *(Tâm như đài gương sáng)*
Thời thời cần phất thức *(Luôn luôn cần lau phủi)*
Mạc (Vật) sử (xử) nhạ trần ai. *(Đừng để nhuốm bụi trần)*
(Thần Tú)

Bồ đề bản phi thụ *(Bồ đề vốn không là cây)*
Minh kính diệc phi đài *(Gương sáng cũng không đài gương)*
Bản lai vô nhất vật *(Xưa nay không một vật)*
Hà xứ nhạ trần ai. *(Làm sao nhuốm bụi trần).*
(Huệ Năng)

Thái độ của Ngũ tổ Hoằng Nhẫn đối với bài kệ của thiền sư Thần Tú trong Pháp Bảo Đàn kinh cho thấy sự quan trọng và chủ yếu của Kiến vì nó hướng dẫn Hành. **Hành mà không có và không theo Kiến là điều sai lầm.**

Một ngày kia, Ngũ tổ (Hoằng Nhẫn) triệu tập môn đồ bảo rằng: "Sinh Tử là việc lớn, các ngươi suốt ngày chỉ cầu phước điền, chẳng cầu lìa khỏi biển khổ sinh tử, tự tánh nếu mê, phước làm sao có thể cứu được? Các ngươi mỗi người hãy tự xem trí tuệ (huệ), dùng bản tâm Bát Nhã của tự tánh, mỗi người làm một bài Kệ trình cho ta xem, nếu ngộ được đại ý, thì ta sẽ truyền y bát cho làm Lục Tổ (Tổ thứ sáu), hãy mau lên chẳng được chậm trễ, hễ lọt vào suy lường thì chẳng dùng được. Người kiến tánh vừa nghe phải liền thấy, nếu được như vậy thì khi ra trận giữa đao kiếm cũng phải thấy được".

(Đệ tử giỏi nhứt là) Thần Tú làm (bài) Kệ xong, trải qua 4 ngày, 13 lần muốn vào trình mà vẫn chưa dám (vào trình). Thế rồi đợi đến nửa đêm lúc mọi người ngủ thì cầm đèn viết lên vách hành lang phía Nam bài Kệ của mình:

Thân thị bồ đề thụ *(Thân như cây bồ đề)*
Tâm như minh kính đài *(Tâm như đài gương sáng)*
Thời thời cần phất thức *(Luôn luôn cần lau phủi)*
Mạc (Vật) sử (xử) nhạ trần ai. *(Đừng để nhuốm bụi trần)*
(Thần Tú)

Đêm sau, Ngũ tổ (đã đọc bài Kệ của Thần Tú) kêu Thần Tú vào phòng mà nói: "Ông làm bài Kệ nầy chưa thấy Thực Tánh, chỉ đến ngoài cửa, chưa vào trong, kiến giải như thế (thì) tìm Vô Thượng Bồ Đề chẳng thể được. Vô Thượng Bồ Đề phải khi vừa nói liền nhận tự bản tâm, thấy tự bản tánh, chẳng sanh chẳng diệt, với bất cứ giờ nào, niệm niệm tự thấy, chẳng kẹt vào vạn pháp, nhứt chơn nhứt thiết chơn, vạn cảnh tự như như, cái tâm như như tức là chơn thật. Nếu thấy như thế tức Vô Thượng Bồ Đề của tự tánh".

Thiền Đạo Tu Tập của Trương Trừng Cơ viết:

*Dùng là động từ, **Kiến** có nghĩa là 'thấy" hay "nhìn"; dùng là danh từ, nó có nghĩa là "cái nhìn", "kiến thức" hoặc "sự quan sát". **Hành** có nghĩa là "thực hành", "hành động" hoặc "công việc". Chữ nầy có thể vừa dùng làm động từ vừa dùng làm danh từ.*

Kiến *theo nghĩa rộng ngụ ý sự quán toàn triệt giáo lý Phật Giáo nhưng trong Thiền chữ đó không những biểu thị sự hiểu biết các nguyên tắc và chân lý Thiền, mà còn ngụ ý cả cái nhìn thức tỉnh phát xuất từ kinh nghiệm* ***Ngộ****.*

Như vậy, Thiền gồm 2 phương diện Kiến và Hành. Một châm ngôn Thiền nói: "Để kiến được tánh, ta phải leo lên tận đỉnh núi và nhìn từ đó; để bắt đầu cuộc hành trình (Thiền) ta phải xuống tận đáy biển và bắt đầu đi từ đó". ***Tòa nhà Thiền được chống đỡ bởi 2 cột trụ chính, Kiến và Hành.***

Mặc dầu tòa nhà Thiền được chống đỡ bởi 2 cột trụ chính, Kiến và Hành nầy, giáo lý Thiền phần lớn nhấn mạnh vào Kiến hơn. Điều nầy được chứng thực bởi thiền sư Qui Sơn. Thiền sư nói: ***"Cái Kiến của ông chứ không phải cái Hành, chính là mà ta quan tâm".***

C. Thiền Định của Lục Độ

Theo Phật Giáo Đại Thừa, Thiền Định (với Tu Thiền Định) **= Thiền Định Ba La Mật Đa** của Lục Độ. Tương đương với Chánh Định của Phật Giáo Nguyên Thủy.

a) Thiền Định

Thiền Định với Tu Thiền Định **không có liên quan đến Giáo lý Giác ngộ** của Phật Giáo tức là không dựa trên Khổ Nghiệp như Giác Ngộ; và cũng không dựa Ác Nghiệp như Trì Giới.

Từ Phật Giáo Nguyên Thủy cho tới Thiền tông, **với** phương pháp **tu Thiền định**, **Tâm** (Tâm thức) của hành giả **lần lượt vượt qua 4 trạng thái** gọi là **Tứ Thiền** hay Tứ Thiền Na **của Thiền định.**

Tứ Thiền = Tứ Thiền Na (4 Dhyàna) = Tứ Định của Vô Sắc Giới

1. **Định Sơ Thiền** (1st Jhàna): sung sướng (lạc = pleasure) và vui mừng (hỉ = delight), tâm **thoát khỏi nhục dục** (sensuous desire) và ác độc (evil).
2. Định Nhị Thiền (2nd Jhàna): vẫn vui mừng và sung sướng, thoát khỏi suy luận (discursion) và tìm hiểu (investigation).
3. Định Tam Thiền (3rd Jhàna): sung sướng nhưng bình tỉnh (equanimity), lìa khỏi vui mừng và than thở
4. **Định Tứ Thiền** (4th Jhàna): **an tịnh** (tranquil), lìa khỏi sung sướng và đau khổ

Lời dạy của Phật Thích Ca về **Chánh Định (= Tứ Thiền):**

Và này các Tỳ kheo, thế nào là ***Chánh Định****? Ở đây, này các Tỳ kheo*

*Tỳ kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú "****Định Sơ Thiền****", một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ*

*Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú "****Định Nhị Thiền****", một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm*

*Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thú mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú "****Định Tam Thiền****"*

*Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thụ trước, chứng và trú "****Định Tứ Thiền****", không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.*

Này các Tỳ kheo, đây gọi là Chánh Định.

Thiền Định và Giác Ngộ:

Thiền Định Ba La Mật Đa của Phật Giáo Đại Thừa là đạt đến bậc thứ tư của Tứ Thiền (Tứ Thiền Na) là Định Tứ Thiền. **Định Tứ Thiền là Tâm An** không phiền não **(= Hữu dư Niết bàn**). Tu Thiền Định đạt được Định Tứ Thiền, bậc cuối cùng của Thiền Định thì cũng đạt được Niết bàn (Hửu dư Niết bàn) với Tâm An không phiền não mà **không cần phải Giác Ngộ** giáo lý Giác ngộ. Thiền Định không giúp gì được trong Tái sinh (theo Lục đạo Luân Hồi).

Tuy nhiên Giác ngộ từ Học Đạo cho Giác ngộ (có Tu Thiền Quán) còn làm cho hành giả không Tái sinh **(= Vô dư Niết bàn**). Đó là điều **Thiền Định** với Tu Thiền Định **không làm được.**

b) Tu Thiền Định

Phật Giáo Nguyên Thủy từ Phật Thích Ca đã dạy phương pháp Tu Thiền định để đạt được Thiền định, giải thoát Khổ. Phật Giáo Đại Thừa cũng thi hành giống như vậy:

Tu Thiền định (Meditation for concentration) thường là phương cách tự mình **thực hành tập trung vào** chủ đề hay đối tượng nào đó (như **hơi thở**) để đạt được Thiền định.

Tu Thiền định **không có liên quan tới giáo lý đạt giác ngộ** và dĩ nhiên không cần đạt giác ngộ nhưng tâm cũng sẽ được An, an tịnh (an tĩnh) mà giải thoát Khổ.

D. <u>Trì Giới của Lục Độ</u>

Trì Giới = Giới (Morality = Sila-siksa)

a) Ác Nghiệp và Trì Giới

Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, **Trì Giới** là giữ những luật lệ không phạm khi đối xử với người khác và sinh vật khác. Trì Giới **dựa trên Ác Nghiệp**.
Nếu phạm Giới thì là tạo ra **Ác Nghiệp** (có 10 giới chánh tương quan với 10 ác nghiệp). Nếu phạm 1 trong 10 Ác Nghiệp thì sẽ bị **tái sinh** theo Khổ đạo thành những loại Sinh mạng như thú vật, sinh mạng ở địa ngục và quỉ đói (ngạ quỉ) và không tái sinh thành người hay thiên (deva). Chỉ có con người hay thiên (deva) mới có thể giác ngộ mà thoát khổ được!

10 Giới cấm để không tạo **10 Ác nghiệp**:

1. Không nói dối (Not to lie)
2. Không dùng vọng ngữ tức là ngôn ngữ xấu (Not to use bad language): không nói với lưỡi 2 chiều.
3. Không nói xấu người khác (Not to slander others): không ác khẩu.
4. Không nói thêu dệt một cách phóng dật (Not to speak frivolously)
5. Không sát sinh (Not to kill)
6. Không trộm cướp (Not to steal)
7. Không tà dâm (Not to commit adultery)
8. Không tham muốn (Not to covet)
9. Không giận dữ (Not to give way to anger)
10. Không giữ tà ý (Not to hold false volition). Tà Ý là ý định vi phạm ngũ (5) trọng giới (giới 1-5).

Không Tham muốn (giới thứ 8) và không giận dữ (giới thứ 9) cũng là 2 Mê hoặc (= Hoặc) Tham và Sân. **Trì Giới bao gồm Đoạn Hoặc** Tham và Sân.

Như vậy Tham và Sân là **Ác nghiệp** của giáo lý Trì Giới và cũng là **Khổ Nghiệp** của Giáo lý Giác ngộ. Đây là sự trùng hợp trong giáo lý Giải thoát của Phật Giáo.

Ác Nghiệp làm cho **Tái sinh theo 3 Khổ đạo** (của Lục đạo) vào trong những Cõi Khổ và không bao giờ Giải thoát Khổ được. Những Cõi Khổ là địa ngục, cõi của thú vật (animals) và cõi của ngạ quỷ. Ác Nghiệp là căn bản của **Trì Giới**.

Khổ Nghiệp làm cho Tái sinh (trong Lục đạo Luân hồi). Khổ Nghiệp là căn bản của Giáo lý **Giác ngộ**.

Tuy nhiên cũng có sự khác biệt quan trọng **về đối tượng**:

Ác Nghiệp đối với Sanh mạng khác (kể cả con người khác). Sanh mạng gồm có 6 loại. Ác Nghiệp là căn bản của Trì Giới. Trì Giới đối với Sanh mạng khác.

Khổ Nghiệp đối với Sự vật. Trong Sự vật (All beings and all things) thì có Sanh mạng (All sentient beings). Khổ Nghiệp là căn bản của Giáo lý Giác ngộ. Giác ngộ đối với Sự vật (hay Hiện tượng của Sự vật).

b) Trì Giới trong Lục Độ

Trì Giới trong Lục Độ là Giới Ba La Mật Đa và Tinh Tiến Ba La Mật Đa

- Giới Ba La Mật Đa tương đương với: Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, và Chánh Mệnh của Bát Chánh Đạo:

Chánh Ngữ (Right Speech = Samyag-Vàcà / Sammà-Vàcà)
Chánh Nghiệp (Right Action = Samyag-Karmànta / Sammà-Kammanta)
Chánh Mệnh (Right Livelihood = Samyag-Àjiva / Sammà-Àjiva)
Chánh Tư Duy (Right Thought = Samyag-Samkalpa / Sammà-Sankappa)

- Tinh Tiến Ba La Mật Đa là Chánh Tinh Tiến của Bát Chánh Đạo.

Chánh Tinh Tiến (Right Effort = Samyag-Vyàyàma / Sammà-Vàyàma)

Chánh Ngữ là Trì Giới không tạo khẩu nghiệp:

Không nói dối (Not to lie)
Không dùng vọng ngữ tức là ngôn ngữ xấu (Not to use bad language): không nói với lưỡi 2 chiều.
Không nói xấu người khác (Not to slander others): không ác khẩu.
Không nói thêu dệt một cách phóng dật (Not to speak frivolously)

Chánh Nghiệp là Trì Giới không tạo thân nghiệp:

Không sát sinh (Not to kill)
Không trộm cướp (Not to steal)
Không tà dâm (Not to commit adultery)

Chánh Tư Duy là Trì Giới không tạo ý nghiệp:

Không tham muốn (Not to covet)
Không giận dữ (Not to give way to anger)
Không giữ tà ý (Not to hold false volition). Tà Ý là ý định vi phạm Ngũ Trọng Giới.

Chánh Mệnh là sống một Đời sống (sinh hoạt) Trì Giới theo đúng Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Tư Duy.
Chánh Tinh Tiến là "tinh tiến" luôn luôn cố gắng tránh không làm điều Ác và chỉ làm điều Thiện trong tương lai mặc cho quá khứ. Điều Ác là không tạo Ác Nghiệp, điều Thiện là Trì Giới.

D. <u>Trì Giới và Từ Bi của Giác Ngộ</u>

a) Trì giới của Phật Giáo Nguyên Thủy

Phật Giáo Nguyên Thủy dựa trên cả hai:
Dựa trên **Ác Nghiệp** nên Tâm thân phải **Trì Giới** đối với Sinh mạng. Có 10 Giới. Ác Nghiệp làm cho Con người phải Tái sinh (và Luân hồi) trong những Khổ Đạo của Lục Đạo.
Dựa trên **Khổ Nghiệp** nên phải Tâm **Giác ngộ Đoạn Hoặc** Tham Sân Mạn đối với Sự vật. Khổ Nghiệp làm cho Con người phải Khổ (Tâm Phiền não) trong Sinh Kiếp và phải Tái sinh (và Luân hồi).

Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, **Trì Giới** là giữ những luật lệ không phạm khi đối xử với người khác và sinh vật khác. Trì Giới **dựa trên Ác Nghiệp**.
Nếu phạm Giới thì là tạo ra **Ác Nghiệp** (có 10 giới chánh tương quan với 10 ác nghiệp). Nếu phạm 1 trong 10 Ác Nghiệp thì sẽ bị **tái sinh** theo Khổ đạo thành những loại Sinh mạng như thú vật, quỉ địa ngục và quỉ đói (ngạ quỉ) và không tái sinh thành người hay thiên (deva). Chỉ có con người hay thiên (deva) mới có thể giác ngộ mà thoát khổ được!

10 Giới cấm để không tạo **10 Ác nghiệp**:
1. Không nói dối (Not to lie)
2. Không dùng vọng ngữ tức là ngôn ngữ xấu (Not to use bad language): không nói với lưỡi 2 chiều.
3. Không nói xấu người khác (Not to slander others): không ác khẩu.
4. Không nói thêu dệt một cách phóng dật (Not to speak frivolously)
5. Không sát sinh (Not to kill)
6. Không trộm cướp (Not to steal)
7. Không tà dâm (Not to commit adultery)
8. Không tham muốn (Not to covet)
9. Không giận dữ (Not to give way to anger)
10. Không giữ tà ý (Not to hold false volition). Tà Ý là ý định vi phạm ngũ (5) trọng giới (giới 1-5).

b) Đoạn Hoặc và Từ Bi của Phật Giáo Đại Thừa Thiền Tông

Phật Giáo Nguyên Thủy dựa trên cả hai:
Dựa trên **Ác Nghiệp** nên Tâm thân phải **Trì Giới** đối với Sinh mạng. Có 10 Giới. Ác Nghiệp làm cho Con người phải Tái sinh (và Luân hồi) trong những Khổ Đạo của Lục Đạo.

Dựa trên **Khổ Nghiệp** nên phải Tâm **Giác ngộ Đoạn Hoặc** Tham Sân Mạn đối với Sự vật. Khổ Nghiệp làm cho Con người phải Khổ (Tâm Phiền não) trong Sinh Kiếp và phải Tái sinh (và Luân hồi).

Phật Giáo Đại Thừa Thiền Tông chánh yếu dựa trên **Khổ Nghiệp** cho nên Tâm **Giác ngộ Đoạn Hoặc** Tham Sân Mạn đối với Sự vật **và Từ Bi** đối với Con người khác và thân của mình.

Giáo lý của **Thiền tông không có bắt buộc Trì giới** nhất là cho các **cư sĩ tại gia**.
Thiền tông có đưa ra giải pháp dễ dàng là **sám hối** để cho những ai còn vương vấn với **ác nghiệp**.
Pháp Bảo Đàn Kinh viết:
Tổ Huệ Năng nói: "Thế nào là Sám? Thế nào là Hối? Sám là sám trừ tội trước, từ trước tất cả các tội Ác nghiệp ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh tỵ thảy đều sám hết, ***chẳng bao giờ khởi nữa gọi là Sám****. Hối là hối cải lỗi sau, tất cả Ác nghiệp ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh tỵ ... nay đã Giác ngộ đều cho đoạn dứt,* ***chẳng bao giờ tạo nữa gọi là Hối****".*

Tuy nhiên **trong 10 Giới** có Giới thứ 8 (= không tham muốn) và Giới thứ 9 (= không giận dữ) chính là **Đoạn diệt 2 Mê hoặc Tham và Sân** (của Phật Giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa) **cho Khổ Nghiệp** vẫn cần phải tuân giữ.

Từ bi của Đại thừa Thiền tông **thay thế Trì giới** của Phật Giáo Nguyên thủy trong đời sống đối với người và sinh vật khác qua ngôn ngữ, hành vi và sinh hoạt.
Tâm từ bi của Đại Thừa Thiền tông:
hiền lành (= Từ) với người và sinh vật khác, tức là nhẫn nhịn (forebearance) và không có xung đột (no conflict), do đó không làm hại người, sinh vật khác và thân mình.
thương (= Bi) người khác và sinh vật khác, bằng thể hiện lòng tử tế (loving kindness) và lòng thương xót (pity), do đó giúp đỡ người, sinh vật khác và thân mình.

Từ bi của Thiền tông còn có thêm sự nhẫn nhục và bố thí toàn hảo (Nhẫn Ba La Mật Đa và Bố thí Ba La Mật Đa). Đồng nhất với bản tâm, **tâm thức từ bi thì không bị ràng buộc vào 10 giới luật và đoạn hoặc** (Tham, Sân, Mạn). Thực tế thì 10 giới luật để tránh 10 ác nghiệp của Phật Giáo Nguyên thủy **quá khắt khe** không một ai có thể giữ được trong suốt kiếp sống của mình.

c) Bản Tâm (Phật Tánh) Từ Bi

Phật Giáo Nguyên thủy đã nói tới Bản tâm trong Kinh Tạng và gọi nó là Minh tâm hay Phật tánh.

Tăng Nhất Bộ Kinh (Anguttara Nikaya) của Kinh Tạng viết:
Minh tâm bẩm sinh *(innately luminous mind=prabhasvara citta) bị che dấu bởi phiền não mê hoặc (defilements = agantukaklesa).*
Đại Chúng bộ (Mahasàngika) gọi là **tâm thức bản thể** (substratum consciousness = Mulavijana) là căn bản của tâm thức (nature of consciousness).

Niết Bàn Kinh (Nirvana Sutra) của Kinh Tạng viết:

*Chúng sanh có sở hữu một bản tánh thánh thiện (sacred nature) làm căn bản để chúng sanh thành Phật. Đó là **Phật tánh**, thực tánh (true nature) phổ quát (universal) và ô uế (sullied) bởi trạng thái tâm lý hay nghiệp mà cá thể có thể vướng vào.*

Đoạn diệt 3 tư hoặc thuộc về tình cảm là tham dục, sân và mạn giúp cho tu sĩ phát hiện ra **tâm từ bi.** Kinh Tạng của **Phật Giáo Nguyên thủy có nói đến từ bi** qua lời của tôn giả **Xá Lợi Phất** (Sàriputta), một trong 10 đại đệ tử của Phật Thích Ca:

*Một hôm sa di Ràhula (con của Phật Thích Ca) đi khất thực với tôn giả Sàriputta ở Rajagaha (Vương Xá). Một tên côn đồ (hooligan) liệng cát vào bình bát của Sàriputta và đánh đập Ràhula. Sàriputta bảo Ràhula rằng: "Dù gặp bất cứ cách đối xử nào, chúng ta là tỳ kheo đừng bao giờ giận (sân), phải có **lòng từ bi** đối với chúng sanh. Người tu hành tìm giác ngộ không tự kiêu, không tham dục và phải có sức mạnh chống lại cái tâm nóng giận (sân)". Ràhula vâng lời, chỉ cười rồi bỏ đi cùng với Sàriputta.*

Tuy nhiên, **Phật Giáo Nguyên thủy đã không đem bản tâm (hay Phật tánh) từ bi vào giáo lý trong tập đế và diệt đế.**

d) Sinh mạng và Nghiệp của Phật Giáo

Từ Nhân, Duyên, Nghiệp, Quả; Phật Thích Ca chỉ chú trọng đến 10 Ác Nghiệp để làm căn bản cho Trì giới và khi tham Thiền 49 ngày dưới cội bồ đề ngài sáng tạo ra giáo pháp Thập Nhị (12) Nhân Duyên với Khổ Nghiệp để làm căn bản cho Đoạn hoặc và Từ Bi.

Ác Nghiệp đối với Sanh mạng khác (kể cả con người khác). Sanh mạng gồm có 6 loại.

Khổ Nghiệp đối với Sự vật. Trong Sự vật (All beings and all things) thì có Sanh mạng (All sentient beings)

*** Khổ Nghiệp và Ác Nghiệp**

Nghiệp trong Sinh kiếp của 1 Sinh mạng quyết định Tái sinh và Tái sinh Lục đạo của Sinh mạng nầy khi Tái sinh.
Phật Giáo tin và nhấn mạnh **Khổ Nghiệp và Ác Nghiệp** trong tất cả mọi thứ Nghiệp.

Khổ Nghiệp trong Sinh kiếp của 1 Sinh mạng làm cho Sinh mạng phải Tái sinh. Nếu **Giác Ngộ**, tức là Đoạn Khổ Nghiệp trong Sinh kiếp thì Sinh mạng sẽ Không Tái sinh mà vào Niết bàn (Vô dư Niết bàn), tức là thoát khỏi Luân hồi.

1 trong 10 **Ác Nghiệp** trong Sinh kiếp của 1 Sinh mạng làm cho Sinh mạng phải Tái sinh trong Khổ Đạo tức là Tái sinh vào 1 trong những Cõi "khổ". Đó là Cõi Địa ngục, Cõi của Ngạ quỷ (thành Ngạ quỷ) và Cõi Thú vật (thành Thú vật). Nếu **Trì Giới** tránh được 10 Ác Nghiệp này thì Con người sẽ được Tái sinh thành Con người hay Thiên (Deva) trong Thiên Giới.

Lý do phải Đoạn Ác Nghiệp bằng Trì Giới:

Cõi Nhân gian (cõi của Nhân mạng) và cõi Trời (Thiên Giới của Thiên) là những cõi mà từ đó sanh mạng là Con người và Thiên (Deva) có thể tu hành để Giải thoát Khổ, mới thoát khỏi

Tái sinh lục đạo luân hồi và đạt tới Niết bàn. Sanh mạng trong 4 cõi Ác thú thì không thể tu hành giải thoát Khổ, để thành La hán và đạt Niết bàn được.

Thực tế thì Phật Pháp của Phật Giáo chỉ dạy được cho Con người mà thôi.

Lý do không cần phải Đoạn Ác Nghiệp bằng Trì Giới khi Con người đã Đoạn Khổ Nghiệp bằng Giác Ngộ:

Khổ Nghiệp làm cho Con người không Tái sinh. Ác Nghiệp làm cho Con người phải Tái sinh theo Khổ Đạo thành Thú vật, Ngạ quỷ hay Quỷ trong Địa ngục.

Nếu Con người Giác ngộ Đoạn Khổ Nghiệp là Từ Bi Đoạn Hoặc để không có Khổ Nghiệp thì Không Tái sinh cũng đã đủ rồi, không cần phải Trì Giới mà Đoạn Ác Nghiệp. Đã Không Tái sinh thì sợ gì Tái sinh theo Khổ Đạo, do đó **chỉ cần Giác Ngộ (đoạn diệt Khổ Nghiệp) cũng đủ, cần gì phải Trì Giới (đoạn diệt Ác Nghiệp).**

Do đó, Phật Giáo Đại Thừa có thu gọn Đạo Đế và Lục Độ vào Giác Ngộ mà thôi. Và Tứ Diệu Đế cũng chỉ là Giác Ngộ. Trì Giới hoàn toàn bị loại bỏ và Thiền Định không còn bắt buộc.

*** Khổ Nghiệp và Thiện Nghiệp**

Phật Giáo không đề cập đến **Thiện Nghiệp,** đó là từ làm "Việc Thiện" giúp đỡ người khác hay sinh mạng khác.

Một Công án của Thiền Tông có nói đến "Việc Thiện":

Thiền Luận quyển Hạ, trang 547 viết:

Lương Vũ Đế hỏi Đạt Ma (Tổ Bồ Đề Đạt Ma):

"Từ khi Trẫm lên ngôi đến nay, đã xây dựng biết bao nhiêu chùa chiền, sao chép biết bao kinh điển và độ vô số tăng ni. Ngài nghĩ ***công đức*** *của Trẫm như thế nào?".*

Đạt Ma đáp (cộc lốc):

"Tâu Bệ hạ, chẳng công đức gì hết"

Vũ Đế ngạc nhiên hỏi:

"Tại sao thế?"

Đạt Ma mới nói như vầy:

"Đó chỉ là ***những việc làm hạ đẳng, chỉ khiến cho người ta thác sinh vào các cõi trời, rồi cũng sẽ trở lại trần gian nầy nữa****. Chúng vẫn còn mang những dấu vết của thế tục, như bóng theo hình. Dù chúng có vẻ thực, thì cũng chỉ là những pháp phi hữu. Đối với công đức chân thật (thì) đầy đủ trí tuệ thanh tịnh (= trong sạch),* ***viên mãn*** *vi diệu, và* ***bản tính chân thật của nó vượt ngoài sở tri*** *(= cái hiểu biết) của người. Do vậy đừng tìm cầu nó trong các công trình thế gian".*

Tổ Bồ Đề Đạt Ma ngụ ý rằng:

Ngài **không biết gì đến Thiện Nghiệp từ "Làm Việc Thiện"**; có thể Thiện Nghiệp của Con người làm cho Con người Tái sinh vào những Cõi Trời tức là thành Thiên (Deva) ở Thiên Giới nhưng điều đó không phải là Cứu cánh của Phật Giáo.

Ngài chỉ **nhấn mạnh đến "Làm Việc" từ Phật Tánh hay Bản Tâm Từ Bi** của mình vì sẽ Đoạn Khổ Nghiệp và Con người Không Tái Sinh (mà vào Niết bàn). Đó là Cứu cánh của Phật Giáo.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 nhấn mạnh đến Bản tâm (Phật tánh) bẩm sinh giác ngộ của mỗi Con người không hề vướng vào Khổ Nghiệp của hiện tượng của Sự vật. Tâm thức của Con

người chỉ cần hoạt động theo Bản tâm (hay Phật tánh) từ bi giác ngộ của mình thì thoát Khổ Nghiệp và thành Phật. Bản tâm (hay Phật tánh) cũng không liên quan gì đến Thiện Nghiệp.

Tất cả mọi Hiện tượng thanh tịnh hay ô nhiễm đều trình hiện bởi ***Tâm Thức*** *như là biểu hiện bằng tính chất tự nhiên thanh tịnh (của* ***Bản Tâm****) vì Bản Tâm là thanh tịnh bản nhiên từ khởi thủy..*

Ngay cả khi vẫn là chúng sanh và dù đã tạo vô số ý ***Nghiệp*** *tốt hoặc xấu như tham, sân, si; Bản Tâm chính nó vẫn siêu việt (= ở trên) mọi ô nhiễm từ các phiền não nầy. Nước có thể rất bẩn nhưng thể tính của nó vẫn là trong sạch (= thanh tịnh) và bản tánh của nước không bị ô nhiễm bởi bùn dơ.*

Tương tự, bất luận Hiện tượng phát sinh như là trò thiên diễn (= biểu tượng) của Tâm nầy, và bất luận lực dụng của nó (= hiện tượng phát sinh) đến mức nào thì ***tự Bản Tâm*** *(căn nguyên của mọi tướng trạng của các kỹ xảo như vậy) từ vô thủy* ***vẫn không bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm*** *và* ***vẫn không bị ảnh hưởng bởi cái thiện****.*

Giác ngộ là khi ta "đồng nhất" *được* ***với Bản Tâm*** *và nhận thức rõ ràng tất cả mọi Hiện tượng luân hồi sinh tử và Niết bàn (Vạn Pháp) đều lưu xuất từ Bản Tâm nầy****. Bản Tâm từ bi*** *viên mãn và vi diệu vốn có sẵn (trong mỗi và mọi chúng sanh) nên Kinh có câu "Giác ngộ từ vô thủy".*

Từ không bị ảnh hưởng bởi khái niệm quy ước, Tâm (Tâm Thức) đồng nhất với bản thể của mình (= Bản Tâm) và khẳng định chính xác rằng ý nghĩa của nó (= Bản Tâm) tương tục và thường hằng trong sự quân bình của Định Tuệ ***thì dù có sống trong thế tục chúng ta đã là Phật.***

F. <u>Phật và Bồ Tát</u>

a) Phật Giáo Nguyên Thủy

Theo Giáo lý Giải thoát của Phật Giáo Nguyên Thủy

Danh hiệu **Phật** chỉ dùng cho Phật Thích Ca, vị Phật có thật trong lịch sử nhân loại. Phật Thích Ca là bậc đã Giải thoát Khổ và **hóa độ** chúng sanh qua Phật Pháp của ngài để được Giải thoát như ngài. Phật Pháp tồn tại mãi mãi và Phật Thích Ca là bậc độc nhất hóa độ chúng sanh.

Danh hiệu **Bồ tát** thường chỉ dùng cho những kiếp trước của Phật Thích Ca (ghi lại trong Bản Sinh kinh), trước kiếp cuối cùng thành Phật của ngài (kiếp của Thái tử Tất Đạt Ta).

Danh hiệu **La hán** dùng cho Người đạt Giải thoát Khổ nhờ Giác ngộ (theo Phàm Vị và Thánh Vị của La Hán Đạo).

b) Phật Giáo Đại Thừa Sơ Khởi - Bồ Tát Thừa

*** Theo Giáo lý Giác ngộ của Phật Giáo Đại Thừa Sơ Khởi (= Bồ Tát Thừa)**

Theo Phật Giáo Đại thừa từ lúc đầu (từ Thập Độ của **Hoa Nghiêm kinh**),

Bồ tát là những bậc Đại Tuệ giác ngộ (Lục độ), có Bồ đề tâm mà thi hành Đại Từ bi nhất là dùng phương tiện thiện xảo (upaya = skillful means) để Hóa độ chúng sinh trong cõi ta bà đạt giác ngộ (mà thoát Khổ) như mình.

Bậc Đại Tuệ giác ngộ phải là Bồ tát giác tha toàn hảo Đại Từ bi hóa độ rồi mới thành Phật (Thập Độ). Giác tha = giác ngộ tha nhân (= người khác).

*** Bồ Tát và Phật theo Thập Độ của Hoa Nghiêm Kinh**

Thập Độ = 10 Ba La Mật Đa (10 Perfections = 10 Pàramitàs)
Theo Thập Địa Kinh (Dasabhùmika-sutra) là 1 Phẩm của Hoa Nghiêm Kinh (Avatamsaka-sutra):

- **Giác Ngộ** (Enlightenment or Awakening) = **Đại Tuệ** hay Đại Bát Nhã (Great Wisdom = Mahà-prajnà)
Có 6 sự toàn hảo (pàramità = ba la mật đa) gọi là Lục Độ (như kinh Bát Nhã):

1. Giới Ba La Mật Đa (Perfection of Morality = Sìla-pàramità)
2. Bố Thí Ba La Mật Đa (Perfection of Donation or Giving = Dàna-pàramità)
3. Tinh Tiến Ba La Mật Đa (Perfection of Effort = Vìrya-pàramità)
4. Nhẫn Ba La Mật Đa (Perfection of Forbearance = Ksànti-pàramità)
5. Thiền Định Ba La Mật Đa (Perfection of Meditation = Dhyàna-pàramità)
6. Tuệ (Huệ) Ba La Mật Đa (Perfection of Wisdom = Prajnà-pàramità)

(6 Ba La Mật Đa của phần Đại Tuệ Giác ngộ của Thập Độ giống Lục Độ của kinh Pháp Hoa)

Khi đạt tới 6 Ba La Mật Đa (Lục Độ), Hành giả của Phật Giáo Đại Thừa "giác ngộ" tương đương với bậc La Hán trong Niết Bàn của Phật Giáo Nguyên Thủy.

- **Giác Tha** = **Đại Từ Bi** (Great Compassion = Mahà-karunà) - **Bồ Tát** (Bodhisattva)
Có 3 sự toàn hảo kế tiếp:

7. Phương Tiện Ba La Mật Đa (Perfection of Skillfull Means = Upàya-pàramità)
8. Nguyện Ba La Mật Đa (Perfection of Vows = Pranidhàna-pàramità)
9. Lực Ba La Mật Đa (Perfection of Force of Purpose = Bala-pàramità)

Hành giả không ngưng ở "giác ngộ" mà dùng "giác ngộ" của mình để hóa độ chúng sanh cũng được "giác ngộ" như mình vì có và phải phát Bồ Đề Tâm. Như vậy là Hành giả trở thành bậc Bồ Tát "toàn hảo" Phương Tiện, Nguyện và Lực trong sứ mạng hóa độ chúng sinh "giác ngộ".

- **Giác Hạnh Viên Mãn** (Hoàn thành Phật Quả = Completion of Buddhahood) - **Phật** (Buddha)
Có sự toàn hảo tối thượng.

10. Trí Ba La Mật Đa (Perfection of Transcendental Knowledge = Jnàna-pàramità)

Sau "giác tha" Bồ Tát mới "toàn hảo" Trí (siêu việt) mà thành Phật, đạt được Phật Quả, "giác hạnh viên mãn". Sự "toàn hảo" Trí siêu việt (Trí Ba La Mật Đa = Perfection of Transcendental Knowledge) chính là kết quả của 9 sự "toàn hảo" kia (9 Ba La Mật Đa kia).

Sư Huyền Trang dịch phân biệt 2 từ ngữ (và tác giả tuân theo):
Prajnà là Tuệ hay Huệ (Wisdom). Có nhiều tác giả dịch là Trí Tuệ rất dễ nhầm lẫn. Prajnà dịch âm là Bát Nhã, thường được dùng đồng nghĩa với Tuệ.
Jnàna là Trí (Knowledge) hay Trí siêu việt (Transcendental Knowledge).

*** Bồ Tát Thừa (= Đại Thừa)**

Từ quan niệm Bồ tát của kinh Hoa Nghiêm; Đại Thừa còn có tên là **Bồ Tát Thừa**.

Từ ngữ:

Giác Ngộ (Enlightenment = Bodhi). Bodhi dịch âm là Bồ đề.

Giác Hạnh Viên Mãn (Perfect Enlightenment = Sambodhi). Sambodhi dịch âm là Tam Bồ Đề. Bậc giác ngộ (Đại Tuệ) trở thành Bồ tát thực hành toàn hảo Đại Từ bi thì thành bậc giác hạnh viên mãn (= Phật).

Bồ Tát (Bodhisattva)

Phật (Buddha)

Bồ Tát Thừa (= Đại Thừa):

Bậc Giác Ngộ của Phật Giáo Đại Thừa cũng như bậc La Hán của Phật Giáo Nguyên Thủy nhưng không riêng mình trong Niết Bàn mà hy sinh xuất thế tục hóa độ chúng sanh (**bậc Bồ Tát**) cho đến khi thành **Phật.** Đó là sự khác biệt giữa La Hán (của Phật Giáo Nguyên Thủy) với Bồ Tát và Phật (của Phật Giáo Đại Thừa). Do đó Đại Thừa còn gọi là Bồ Tát Thừa.

Phật Giáo Đại Thừa nhấn mạnh là Hành giả phải trải qua nhiều kiếp mới đạt được **Giác Ngộ** rồi phải trải qua nhiều kiếp nữa mới hoàn thành **Giác Tha** của bậc Bồ Tát mà đạt tới **Giác Hạnh Viên Mãn** thành Phật. Phật là quả vị cuối cùng của Phật Quả. Thí dụ điển hình là Phật Thích Ca phải trải qua nhiều kiếp Bồ Tát trong Bản Sinh Kinh.

Quan niệm "nhập" Niết Bàn khác nhau giữa Phật Giáo Nguyên Thủy và Phật Giáo Đại Thừa. Bồ Tát của Đại Thừa có thể "nhập" Niết Bàn như La Hán của Phật Giáo Nguyên Thủy nhưng chọn trong Luân Hồi để hóa độ chúng sanh giác ngộ như mình.
Sư Thế Thân của Đại Thừa nói rằng:

"Trải qua Đại Tuệ (Great Wisdom) không có tồn tại trong Sinh Tử Luân Hồi; trải qua Đại Từ Bi (Great Compassion) không có tồn tại trong Niết Bàn".

c) Phật Giáo Đại Thừa và Kim Cang Thừa

*** Phật và Bồ Tát Hóa Độ**

Sau thời kỳ Sơ khởi, Phật Giáo Đại Thừa có quan niệm đơn giản hơn cho tới ngày nay: **bậc Đại tuệ giác ngộ là Phật và nếu Phật hóa độ toàn hảo con người khác giác ngộ thành Phật như mình thì gọi là Bồ tát**.

Đại thừa Trung Quán và Duy Thức, và Kim Cang thừa đều đồng ý về khái niệm Bồ tát này.
Đại Thừa Thiền Tông không nói tới Bồ tát trong các Công án và Pháp Bảo Đàn kinh nhưng cũng không chống đối hay phủ nhận. Theo Như Lai thiền của Thiền tông, chỉ bậc đạt tới Như Lai Thiền mới là bậc giác hạnh viên mãn (tam bồ đề), bậc giác ngộ tột đỉnh của Thiền tông. Đó là **Như lai (= Phật).**

Từ đó, **định nghĩa** Phật và Bồ tát được thống nhất trong Phật Giáo Đại Thừa.

1. **Phật (= Buddha)** = Người đạt Giải thoát Khổ thường là từ Giác ngộ (theo Phật Giáo Đại Thừa).

Pháp Bảo Đàn kinh viết:

*Tổ biết Huệ Năng đã ngộ nên nói với Huệ Năng rằng: "Chẳng nhận được bản tâm (thì) học pháp vô ích, nếu nhận được bản tâm thấy được bản tánh tức gọi là Trượng Phu, là Thiên Nhơn Sư**, là Phật**".*

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 viết:

*Từ không bị ảnh hưởng bởi khái niệm quy ước, Tâm (Tâm Thức) đồng nhất với bản thể của mình (Bản Tâm) và khẳng định chính xác rằng ý nghĩa của nó (Bản Tâm) tương tục và thường hằng trong sự quân bình của Định Tuệ thì dù có sống trong thế tục chúng ta đã **là Phật**.*

Phật Giáo Đại thừa cho rằng chúng sanh, nhất là **mỗi Con người, đều có thể thành Phật vì có sẵn Phật tánh (hay Bản tâm) từ bẩm sinh.**

Pháp Hoa kinh viết:

(Phẩm 10): *Mọi người có thể được giải thoát. Tất cả chúng sanh **có thể thành Phật**, không những tăng ni mà còn cả cư sĩ (Lay people), thanh văn, Bồ tát và sinh vật không phải là người (non human creature).*

(Phẩm 12): ***Phật tánh** thì phổ quát trong tất cả mọi người kể cả Devadatta cũng có căn cơ (potential) thành Phật.* Devadatta là người âm mưu ám sát Phật Thích Ca.

2. **Bồ tát (Bodhisattva)** = **Phật** đem Giác ngộ của mình mà **Hóa độ** tha nhân cũng Giác ngộ thành Phật như mình.
Đó là Bồ tát phát **Bồ Đề tâm** mà thực hành **Đại Từ bi** mà Hóa độ tha nhân cũng Giác ngộ như mình.

Giác tha = Giác ngộ tha nhân (= người khác) = Hóa độ tha nhân cũng Giác ngộ như mình.

Kinh Bát Nhã viết (theo lời giáo huấn để Hóa độ của Bồ tát Quan Tự Tại):

*Khi **Bồ Tát Quan Tự Tại** (Avalokitesvara Bodhisattva) thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa sâu xa, soi thấy rằng có Ngũ Uẩn và thấy Ngũ Uẩn không có Tự Tánh trong chúng.*
....

*Nhân vì Vô Sở Đắc cho nên **Bồ Tát** buông dựa theo Bát Nhã Ba La Mật Đa nên tâm Vô Ngại một cách lạ lùng; vì Vô Ngại như vậy cho nên chẳng có sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo; mà đạt cứu cánh **Niết Bàn**.*

*Tam thế Chư **Phật** dựa theo Bát Nhã Ba La Mật Đa vì vậy cho nên có được **A Nậu Đa La Tam Niệu Bồ Đề.***

*Vì vậy cho nên biết rằng Bát Nhã Ba La Mật Đa là Đại thần chú, là Đại minh chú, là Vô thượng chú, là Vô đẳng đẳng chú; có thể chân thật chẳng giả **dối trừ được hết thảy tất cả mọi Khổ ách***

Vì vậy cho nên để nói rõ ra, tự đó Bát Nhã Ba La Mật Đa chú nói rõ ràng: "Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha" (Qua rồi qua rồi, qua bên kia rồi, tất cả qua bên kia rồi, giác ngộ rồi đó).

Avalokitesvara Bodhisattva = Quan Tự Tại Bồ tát = Quan Thế Âm Bồ tát. Đây là vị Bồ tát phổ thông nhất của Phật Giáo Đại Thừa.

Bồ Đề Tâm (Mind of Awakening or Enlightenment = Bodhicitta)

Bodhi: dịch âm là Bồ Đề, dịch nghĩa là Giác Ngộ (Enlightenment or Awakening)

Bồ Đề Tâm dịch nghĩa đen là Tâm Giác Ngộ.

Trong "Phát Bồ Đề Tâm", Bồ Đề Tâm có nghĩa rộng hơn: đó là Tâm Đại Từ Bi muốn tự mình Giác Ngộ (Đại Tuệ) để rồi tự nguyện, tận năng lực dùng nó như phương tiện thiện xảo để hoàn thành hóa độ chúng sanh giác ngộ như mình (= Đại Từ Bi).

Phát Bồ Đề Tâm (Aspiration of Bodhicitta = Bodhicittotpàda). Phát Bồ Đề Tâm bằng Tứ Hoằng Nguyện Thệ:

Chúng sinh vô lượng, thệ nguyện độ
Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành.

*** Phật và Bồ tát Cứu Độ**

Tuy nhiên trong Tôn thờ tín ngưỡng của Phật Giáo Đại Thừa (nhất là **Tịnh Độ tông**) và Phật Giáo Tây Tạng Kim Cang Thừa (và Mật tông) còn có quan niệm Phật và Bồ tát cứu độ.

Quan niệm Từ bi và 2 quan niệm Đại Từ bi:

- Trong giáo lý Phật Giáo có sự khác biệt giữa từ ngữ "Đại Từ bi" (Great compassion) và "Từ bi" (Compassion, Karunà):

Bản tâm (hay Phật tánh) **Từ bi** có sẵn trong mỗi một con người.

Bậc Bồ tát là bậc giác ngộ, thi hành **Đại Từ bi** để **hóa độ** chúng sanh tu hành mà giác ngộ như mình. Bậc giác ngộ là bậc giải thoát khỏi Khổ.

- Trong tín ngưỡng tôn thờ của Phật Giáo chỉ có "Đại Từ bi" với ý nghĩa khác: Bậc Bồ tát thi hành **Đại Từ bi** để **cứu độ** chúng sanh giải thoát khỏi Đau Bệnh và Khổ.

Các Tông Phái của Phật Giáo Đại Thừa Hiển Giáo đều dựa trên Triết lý để giáo hóa mà độ (= hóa độ) Chúng sanh Giác ngộ thoát Khổ và Luân Hồi. Giác ngộ của Đại Thừa là Lục Độ.
Chỉ có Tịnh Độ Tông là chú trọng đến Tín ngưỡng để cứu độ Chúng sanh không Giác ngộ nhưng có Đức tin vào Phật A Di Đà được về nơi Tịnh Độ mà thoát khỏi Luân Hồi.

Có sự khác biệt của 4 từ ngữ "Độ":

Cứu Độ = Salvation
Hóa Độ = Leading to Enlightenment
Lục Độ = 6 Ba La Mật Đa = 6 Perfections = 6 Paràmitàs
Tịnh Độ = Tỉnh Thổ = Pure Land.

*** Phật Độ và Tịnh Độ (Pure Land)**

- Khổ

1. Khổ trong Sinh kiếp = Tâm Khổ = **Tâm** của Con người **phiền não** (sorrow) **trong Sinh kiếp**.

{Phiền não = buồn rầu}
2. Khổ trong Tái sinh = Con người **Tái sinh** trong Sinh kiếp mới (theo Luân hồi và Lục đạo) do đó phải tiếp tục Khổ trong Sinh kiếp tiếp theo.

- **Không Khổ** (= Niết bàn)
1. Không Khổ trong Sinh kiếp = Tâm không Khổ = **Tâm an** (tranquil, calm) (= Hữu dư Niết bàn).
2. Không Khổ trong Tái sinh vì **Không Tái Sinh** (= Vô dư Niết bàn).

Theo Giáo lý Giác Ngộ, Con người giác ngộ thành La Hán, Phật và Bồ Tát thì đạt Niết Bàn, nhất là không Tái sinh trong Tam Giới theo Luân hồi Lục đạo.
Như vậy bậc Giác ngộ hay Giác hạnh viên mãn sẽ "đi về đâu" sau khi thân xác tịch diệt (chết); tức là phải đến một Thế giới siêu việt (Supramundane realm) nào đó hay nói đơn giản là Thế giới của tất cả các Phật (chư Phật).

Phật Giáo Đại Thừa Sơ Khởi nói đến Thế giới của chư Phật (Phật Độ) trong kinh Hoa Nghiêm.

Duy Thức Phái của Phật Giáo Đại Thừa đưa ra thuyết Tam Thân Phật rồi đến Thế giới ở ngoài Tam Giới và Luân hồi Lục đạo đó là **Thế giới Tịnh Độ** (Pure Land) và gọi Tam Giới là **Thế giới Ta Bà**.

Sách của Trần Trọng Kim dùng từ ngữ **"Tĩnh Thổ"** cho "Tịnh Độ" với cùng một nghĩa là "đất trong sạch" (pure land). Tĩnh Thổ là khác với Uế Thổ, có nghĩa là "đất ô uế, dơ bẩn". Uế Thổ chính là Thế giới Ta Bà, nơi nhân loài chúng sanh đang sống. Ngày nay chỉ dùng từ ngữ "Tịnh Độ" chứ không dùng "Tĩnh Thổ". Một thế giới Tịnh Độ phổ thông nhất là Cực Lạc của A Di Đà Phật (thuộc Tịnh Độ Tông).

Tịnh Độ = Tĩnh Thổ = Pure Land = đất trong sạch. (Độ = Thổ).
Tịnh Độ đồng nghĩa với Phật Độ = Land of the Buddha = Buddhaksetra
Cõi Cực Lạc = Land of Bliss = Sukhàvatìdhàtu = Thế giới Cực Lạc
Cõi Cực Lạc ở Tây Phương thường gọi là Tây Phương Cực Lạc. Thường gọi vắn tắt là Cực Lạc (Sukhàvatì).
Cõi Ta Bà hay Sa Bà = Sahalokadhàtu = Thế giới Ta Bà: nơi Nhân loài đang sống trong Khổ (Phiền não) nên gọi là Kham Nhẫn thế giới.
Sahaloka dịch âm là Ta Bà còn dịch nghĩa là Nhẫn. Sahakoladhàtu = Nhẫn Độ.

Chi tiết về Thế giới Tịnh Độ không còn thuộc vào Giáo lý Giác ngộ cũng như Tứ Diệu Đế của Phật Giáo mà thuộc vào phần Tôn thờ Tín ngưỡng của Phật Giáo.

Bài viết này đăng lần đầu trong **phanthuonghai.com** mục Văn Hóa phần Phật Giáo.

Bài viết này là 1 trong 4 Bài căn bản về Giáo lý Phật Giáo (Phật Pháp) của Bs Phan Thượng Hải đăng trong mục Văn Hóa phần Phật Giáo của **phanthuonghai.com**

1) Tứ Diệu Đế và Đạo Đế (Bs Phan Thượng Hải)

2) Trì Giới (Bs Phan Thượng Hải)
3) Thiền Định (Bs Phan Thượng Hải)
4) Giáo Lý Giác Ngộ (Bs Phan Thượng Hải)

Tài Liệu Tham Khảo

- Cùng 1 Tác giả (Bs Phan Thượng Hải) đăng trong mục Văn Hóa phần Phật Giáo và phần Triết Lý và Tôn Giáo của **phanthuonghai.com**:

Lịch Sử và Kinh Điển Phật Giáo (Bs Phan Thượng Hải)
Hành Hương và Huyền Thoại Phật Thích Ca (Bs Phan Thượng Hải)
Tôn Thờ Phật và Bồ Tát của Phật Giáo (Bs Phan Thượng Hải)
Thập Đại Đệ Tử của Phật Thích Ca (Bs Phan Thượng Hải)
Thập Bát La Hán (Bs Phan Thượng Hải)
Phật Giáo Tây Tạng và Kim Cang Thừa (Bs Phan Thượng Hải)
Lịch Sử Triết Lý Nho Giáo (Bs Phan Thượng Hải)
Triết Lý Đạo Gia - Lão Tử và Trang Tử (Bs Phan Thượng Hải)

- Sách Việt ngữ:
Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ (Thượng tọa Thích Thanh Kiểm)
Lịch Sử Phật Giáo Trung Hoa (Thượng tọa Thích Thanh Kiểm)
Phật Giáo (Trần Trọng Kim)
Phật Lục (Trần Trọng Kim)
Phật Giáo Triết Học (Phan Văn Hùm)
Triết Lý Phật Thích Ca (Thuần Tâm)
Từ Điển Phật Học (Nguyễn Tường Bách và Thượng tọa Thích Nhuận Châu)
Thiền Luận (Deisetz Teitrao Suzuki - Tuệ Sỹ dịch)
Thiền Đạo Tu Tập (Trương Trừng Cơ - Như Hạnh dịch)
Các Tông Phái Đạo Phật (Đoàn Trung Còn)
Phật Học Tinh Hoa (Nguyễn Duy Cần)
Đại Cương Triết Học Sử Trung Quốc (Phùng Hữu Lan - Nguyễn Văn Dương dịch)

- Sách Anh ngữ:
Essentials Of Buddhism (Kogen Mizuno)
The Essentials of Buddhist Philosophy (Jujirò Takakusu)
The Buddhist Tradition (William Theodore de Barry)
Buddhisms, The Illustrated Guide (Kevin Trainor)
The Vision of Buddha (Tom Lowenstein)
Buddhism (Luis Frédéric)
Mahàyàna Buddhism: The Doctrinal Foundations (Paul Williams)
Buddhist Cosmology (Akira Sadakata)

- Google Wikipedia (related articles)